



ISPAE

Số Tháng 7/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG **ASEAN**

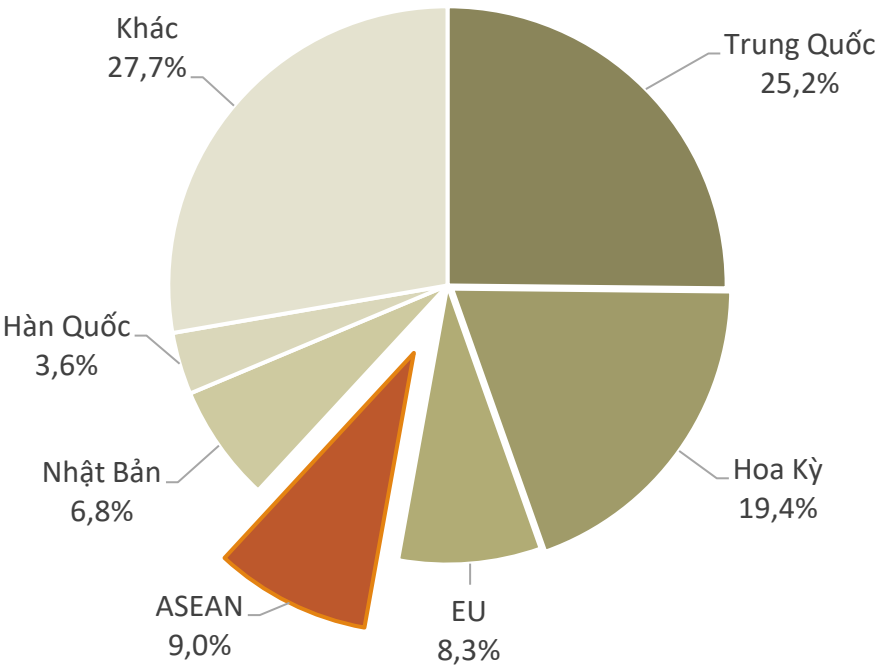


Thực hiện bởi:

AGREINFOS

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG ASEAN THÁNG 6/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường ASEAN, T6/2026



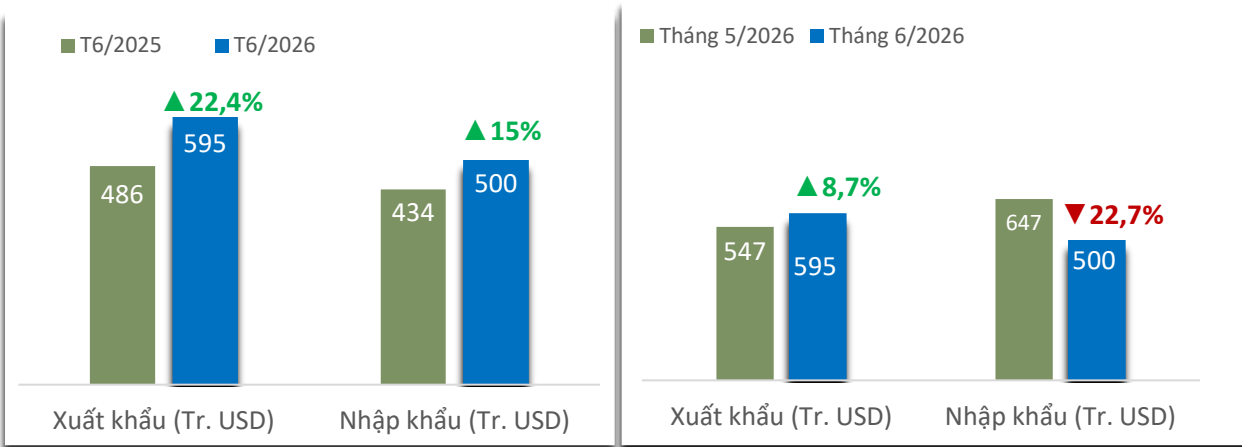
Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường ASEAN T6/2026 so với T5/2026 và T6/2025

Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T4/2026	So với T5/2025
Trung Quốc	1.657	▲ 2,0%	▲ 2,6%
Hoa Kỳ	1.279	▼ 0,3%	▼ 0,7%
EU	544	▼ 0,7%	▼ 1,2%
ASEAN	595	▲ 0,2%	▲ 0,6%
Nhật Bản	448	▲ 0,04%	▼ 0,3%
Hàn Quốc	237	▲ 0,1%	▲ 0,3%
Tổng XK	6.587		

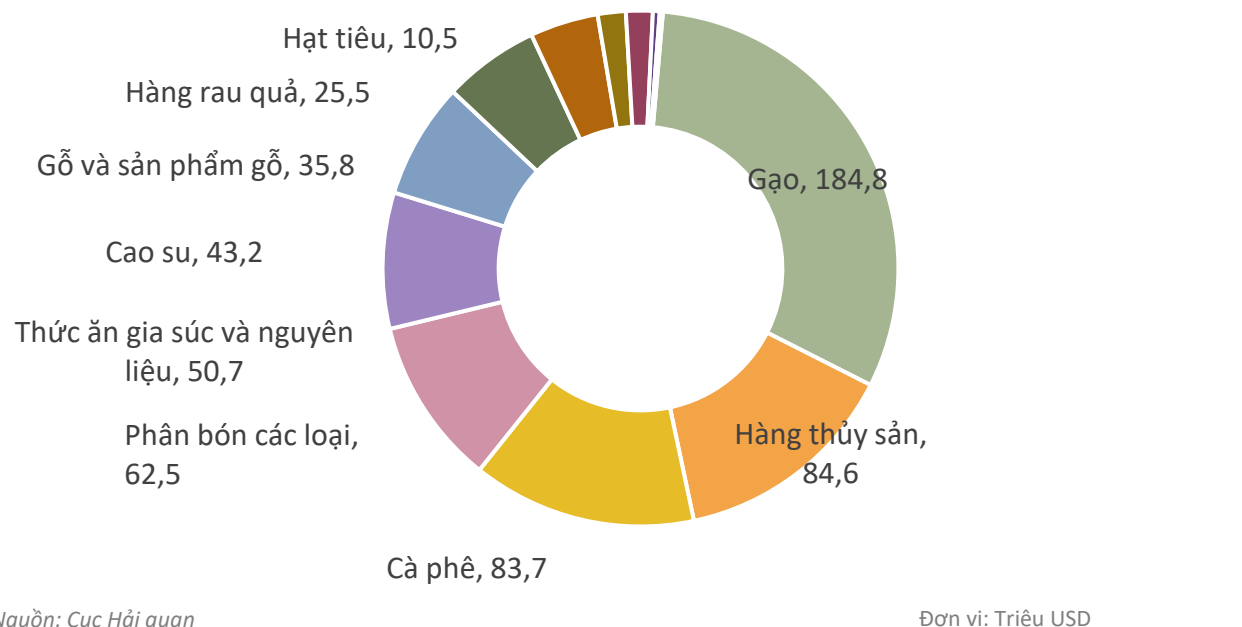
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG ASEAN THÁNG 6/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS VN – ASEAN, T6/2026



Kim ngạch xuất khẩu NLTS sang ASEAN, T6/2026

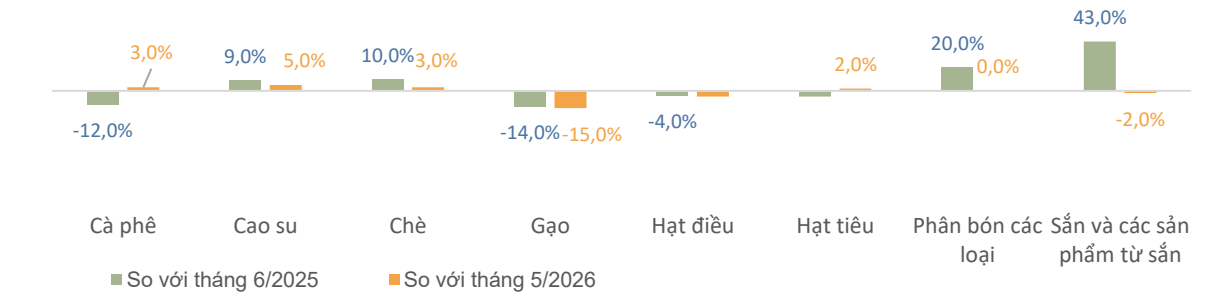


Nguồn: Cục Hải quan

Biến động giá trị xuất khẩu NLTS sang ASEAN T6/2026 so với T5/2026



Biến động giá xuất khẩu bình quân của một số sản phẩm NLTS sang ASEAN T6/2026 so với T6/2025 và so với T5/2026



TIN NỔI BẬT



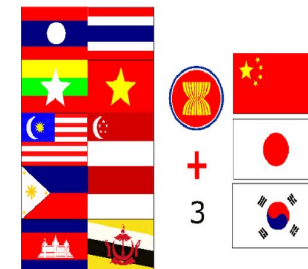
Nâng dự báo tăng trưởng ASEAN+3 nhờ sức mạnh của AI và chất bán dẫn



Việt Nam-Lào thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực tài chính và nông nghiệp

Nâng dự báo tăng trưởng ASEAN+3 nhờ sức mạnh của AI và chất bán dẫn

Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) đã chính thức nâng dự báo tốc độ tăng trưởng của khu vực ASEAN+3 lên mức 4,1% cho năm 2026 (tăng 0,1% so với dự báo trước đó). Động lực cốt lõi của sự tăng trưởng này xuất phát từ nhu cầu gia tăng đối với chất bán dẫn và các thiết bị trí tuệ nhân tạo (AI), kết hợp cùng chỉ số tiêu dùng nội địa, đầu tư và hoạt động sản xuất ổn định.



Lạm phát chung được điều chỉnh giảm xuống 1,6% nhờ sự hạ nhiệt của giá cả hàng hóa toàn cầu, mặc dù rủi ro về lạm phát lương thực vẫn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng do áp lực từ chi phí đầu vào và các điều kiện thời tiết bất lợi.

Nguồn: aseanvietnam.vn

Việt Nam-Lào thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực tài chính và nông nghiệp

Ngày 16/7/2026, đại diện Bộ Tài chính Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Môi trường Lào đã hội đàm nhằm thúc đẩy hợp tác chiến lược. Trọng tâm thảo luận hướng tới việc phân bổ nguồn lực cho quy hoạch đất đai, hạ tầng thủy lợi, phát triển nguồn gen và nhân lực nông nghiệp. Phía Lào đánh giá cao dòng vốn đầu tư trực tiếp hơn 600 triệu USD từ Việt Nam và đề xuất tăng cường chuyển giao công nghệ. Đáp lại, Việt Nam cam kết ưu tiên tài trợ cho các dự án nông nghiệp hiệu quả, nhằm tối ưu hóa chuỗi giá trị, thúc đẩy phát triển bền vững và bảo vệ hệ sinh thái xuyên biên giới.

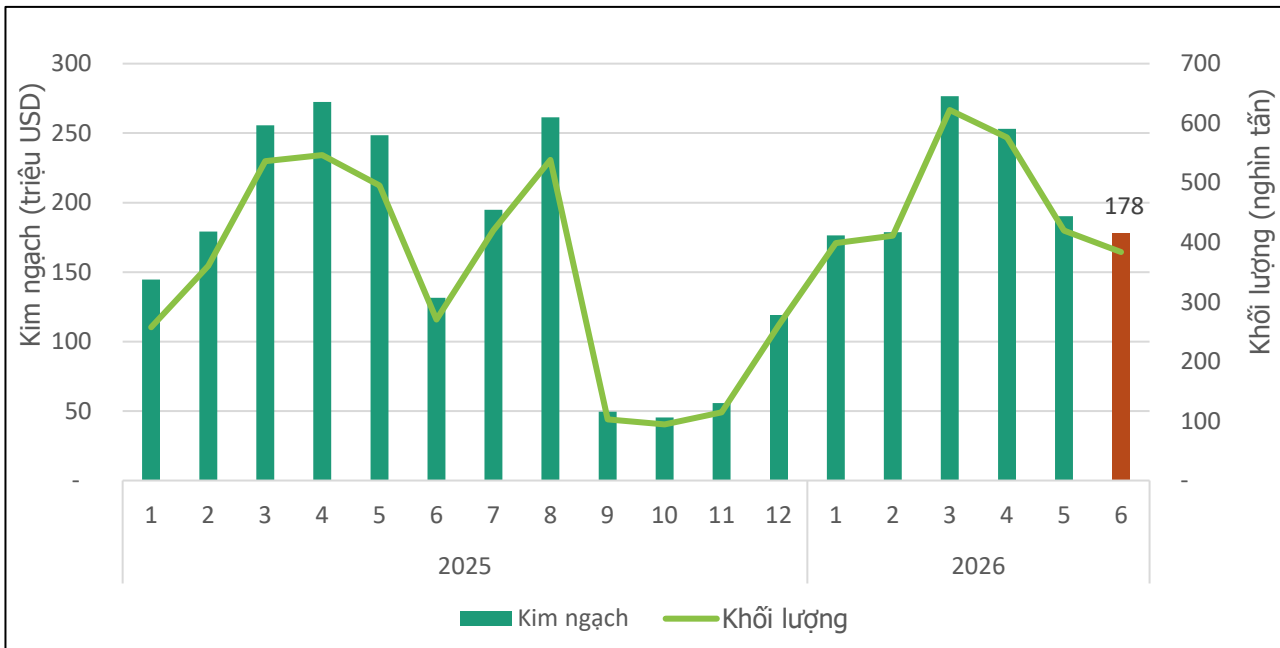
Nguồn: aseanvietnam.vn





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH
178,1 triệu USD

↘ Giảm **6,4%** so với T5/2026

↗ Tăng **35,4%** so với T6/2025

↗ Cao hơn **15,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt **1,3** tỷ USD, đạt **64,0%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG
308,6 nghìn tấn

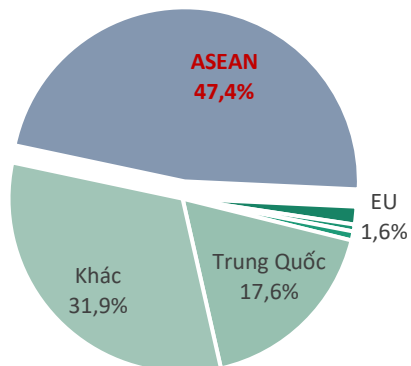
↘ Giảm **8,5%** so với T5/2026

↗ Tăng **41,9%** so với T6/2025

↗ Cao hơn **50,5 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

◇ Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt **2,8** triệu tấn, đạt **70,3%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường ASEAN, T6/2026



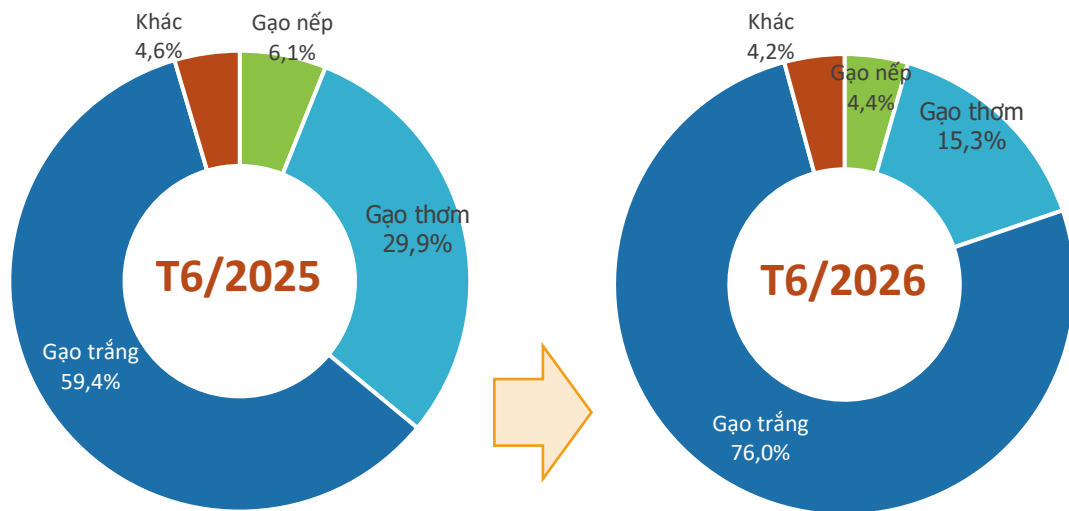
Biến động tỷ trọng giá trị gạo VN sang thị trường ASEAN, T6/2026



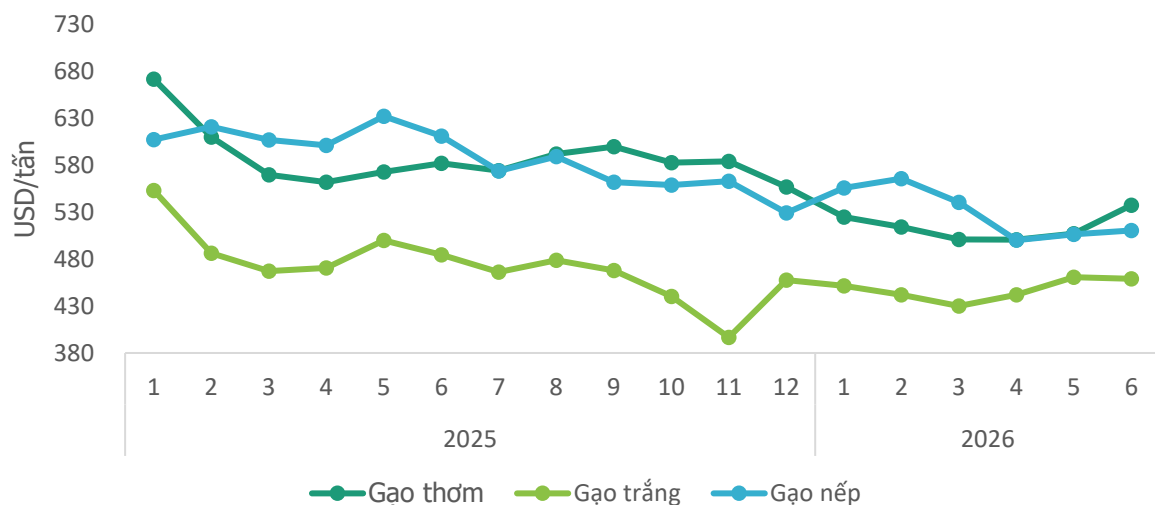


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN, T6/2026



Gạo trắng

Kim ngạch: **101,8** triệu USD
Tăng **37%** so với T5/2026
Tăng **1%** so với T6/2025



Gạo thơm

Kim ngạch: **51,3** triệu USD
Giảm **42%** so với T5/2026
Tăng **152%** so với T6/2025



Gạo nếp

Kim ngạch: **10,4** triệu USD
Tăng **10%** so với T5/2026
Tăng **77%** so với T6/2025

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **511 USD/tấn**; **tăng 1%** so với tháng trước; và **giảm 16%** so với cùng kỳ năm 2025.

Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **538 USD/tấn**; **tăng 6%** so với tháng trước; và **giảm 8%** so với cùng kỳ năm 2025.

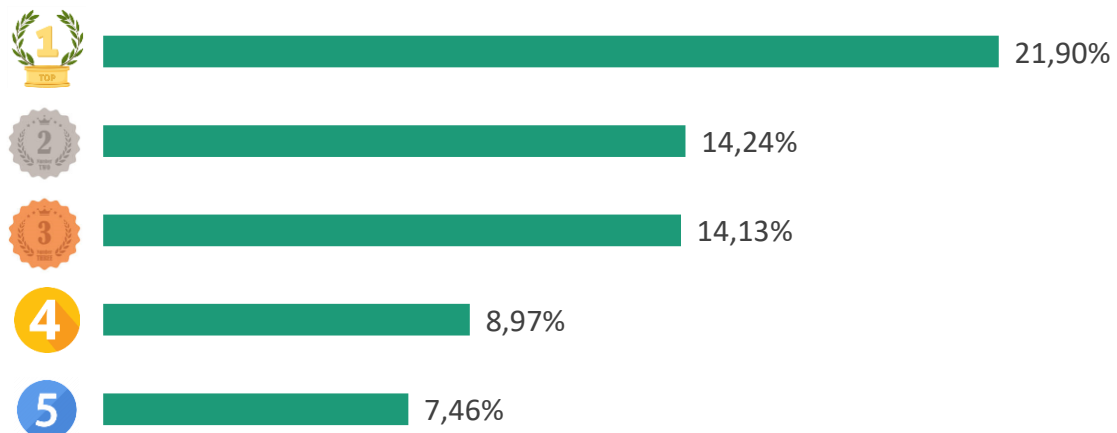
Gạo trắng

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **459 USD/tấn**; **giảm 0,4%** so với tháng trước; và **giảm 5%** so với cùng kỳ năm 2025.

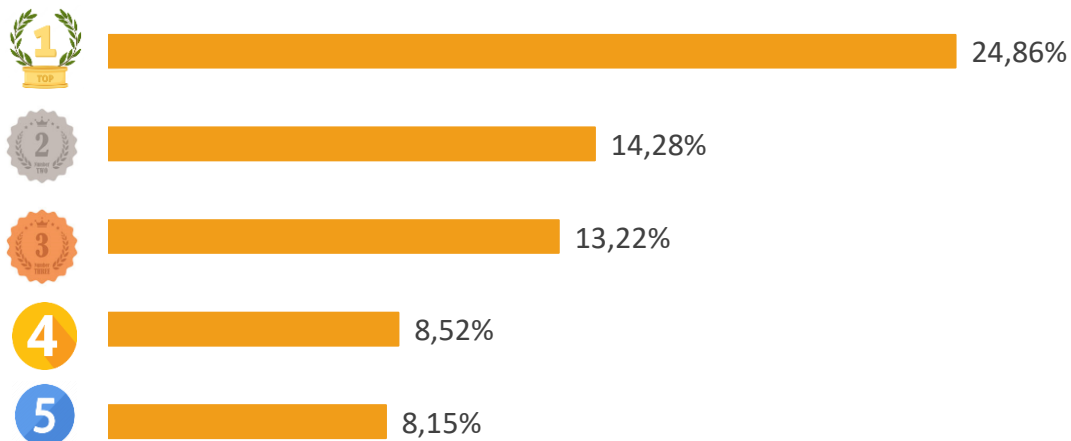


LÚA GẠO

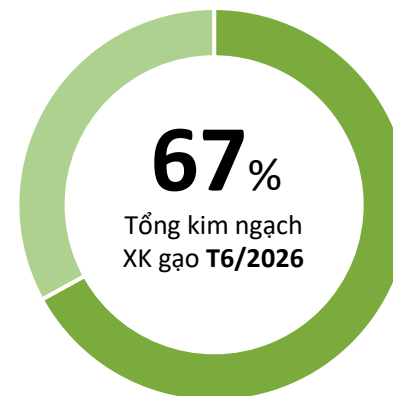
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



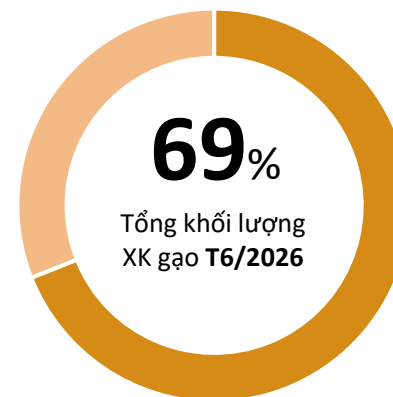
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp XK sang thị trường ASEAN, T6/2026





01

Philippines đã nhập khẩu 2,75 triệu tấn gạo trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng 20,1% so với mức 2,29 triệu tấn cùng kỳ năm 2025. Đây là khối lượng nhập khẩu gạo cao nhất trong nửa đầu năm kể từ khi Cục Công nghiệp Thực vật Philippines bắt đầu thống kê số liệu vào năm 2019. Lượng gạo nhập khẩu trong giai đoạn này tương đương 57% nhập khẩu cả năm. Bộ Nông nghiệp Philippines cho biết việc tăng nhập khẩu nhằm bảo đảm nguồn cung trong bối cảnh chi phí nhiên liệu và phân bón tăng, một số khu vực sản xuất bị gián đoạn tưới tiêu và nguy cơ El Niño có thể ảnh hưởng đến sản lượng trong những tháng cuối năm. Chính phủ cũng sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ thu mua lúa trong nước và xem xét điều tiết nhập khẩu trước vụ thu hoạch chính, nhằm hạn chế tác động bất lợi của lượng gạo nhập khẩu lớn đối với đầu ra của nông dân.

Nguồn: philstar.com

02

Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog) sẽ mở rộng thu mua lúa tại tỉnh Nam Papua nhằm bảo đảm đầu ra cho nông dân và bổ sung dự trữ quốc gia. Hoạt động thu mua được triển khai cùng chương trình gieo trồng đồng loạt tại Merauke, một trong những địa bàn được Chính phủ Indonesia định hướng phát triển thành vùng sản xuất lương thực quy mô lớn. Bulog sẽ tăng cường phối hợp với Bộ Nông nghiệp, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để tổ chức thu mua phù hợp với tiến độ sản xuất. Tính đến đầu tháng 7/2026, Indonesia đã phát triển 83.030 ha diện tích trồng lúa và cải tạo, nâng hiệu quả sử dụng 54.399 ha đất nông nghiệp tại khu vực Papua. Riêng Nam Papua chiếm 48.934 ha diện tích trồng lúa và 53.499 ha đất nông nghiệp được cải tạo; đồng thời có gần 100.000 ha đất được quy hoạch cho sản xuất lương thực. Bộ Nông nghiệp Indonesia đã bố trí 1.300 tỷ IDR (72,8 triệu USD) cho chương trình này trong năm 2026, tập trung vào mở rộng sản xuất, đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ và tổ chức thu mua sau thu hoạch.

Nguồn: antaranews.com





03

Bộ Nông nghiệp và An ninh Lương thực Malaysia cho biết tỷ lệ tự chủ nguồn cung gạo của nước này hiện ở mức khoảng 52%. Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ nhu cầu tiêu dùng trong nước được đáp ứng bằng sản xuất nội địa; phần còn lại được bổ sung thông qua nhập khẩu. Gạo được xếp cùng một số mặt hàng có tỷ lệ tự chủ thấp mà Chính phủ Malaysia đang ưu tiên tăng sản lượng nhằm giảm mức độ phụ thuộc vào thị trường bên ngoài. Tuy nhiên, kế hoạch mở rộng sản xuất sẽ phải xem xét điều kiện đất đai, khả năng thích nghi của cây trồng và hiệu quả thương mại.

Bên cạnh các biện pháp hỗ trợ sản xuất, Malaysia tiếp tục duy trì dự trữ gạo để bảo đảm khả năng ứng phó với biến động nguồn cung. Tính đến ngày 07/07/2026, lượng gạo dự trữ thực tế của nước này đạt 1,05 triệu tấn, đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong khoảng 6,23 tháng. Chính phủ cũng đang xây dựng quy hoạch sử dụng đất đối với các khu vực cung cấp lương thực quốc gia nhằm bảo vệ diện tích sản xuất, đồng thời tăng cường quản lý dự trữ đệm và hỗ trợ phát triển nông nghiệp tại Sabah và Sarawak.

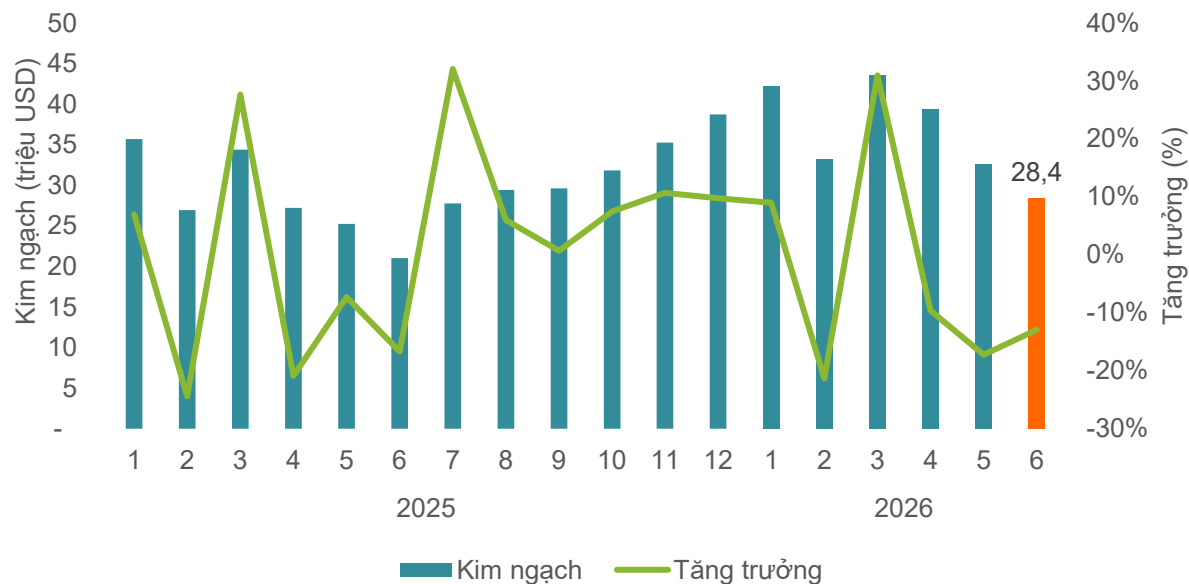
Nguồn: malaymail.com





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH

28,4
triệu USD

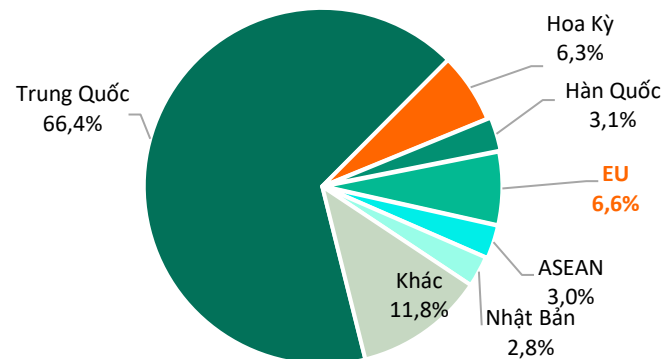
Giảm **12,9%** so với T5/2026

Tăng **35,0%** so với T6/2025

Thấp hơn **1,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 6 tháng năm 2026 đạt **219,3 triệu USD**, đạt **60,4%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam sang thị trường ASEAN, T6/2026



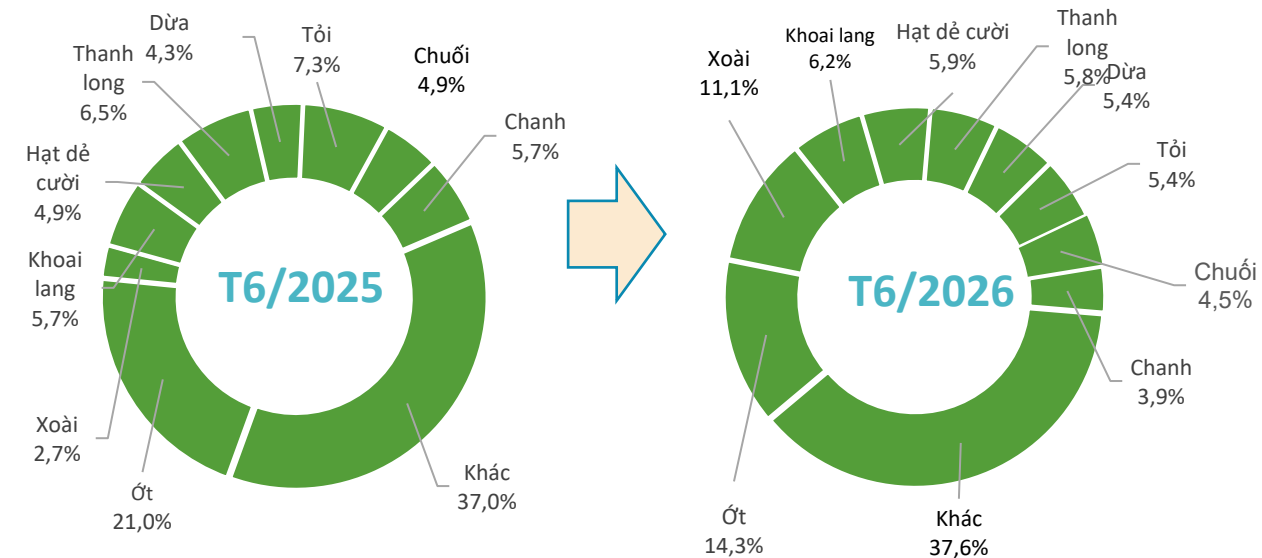
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả XK sang thị trường ASEAN, T6/2026





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN, T6/2026



Ớt

Kim ngạch: **4,0** triệu USD
Giảm **18,2%** so với T5/2026
Giảm **8,3%** so với T6/2025



Xoài

Kim ngạch: **3,2** triệu USD
Giảm **20,8%** so với T5/2026
Tăng **451,6%** so với T6/2025



Khoai lang

Kim ngạch: **1,8** triệu USD
Tăng **17,6%** so với T5/2026
Tăng **47,0%** so với T6/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **1,7** triệu USD
Giảm **10,3%** so với T5/2026
Tăng **62,8%** so với T6/2025



Thanh long

Kim ngạch: **1,7** triệu USD
Giảm **44,5%** so với T5/2026
Tăng **20,6%** so với T6/2025



Dừa

Kim ngạch: **1,5** triệu USD
Giảm **22,7%** so với T5/2026
Tăng **68,8%** so với T6/2025



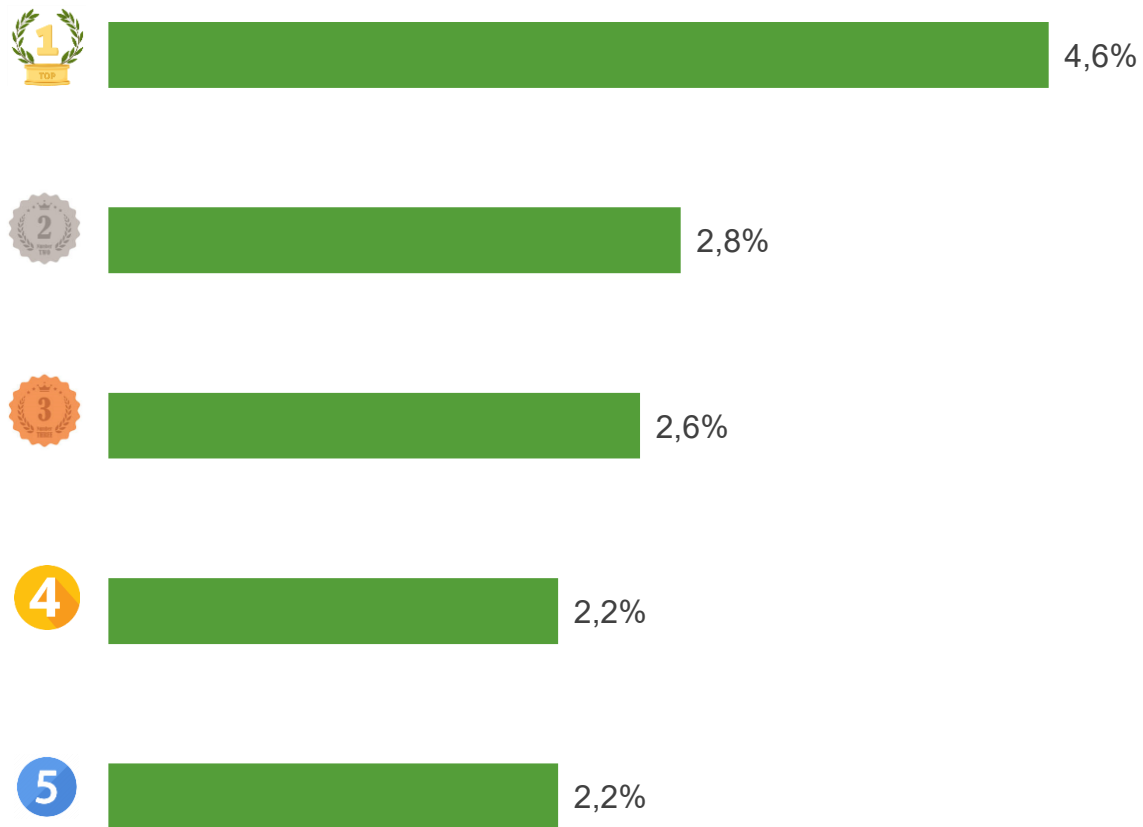
Tỏi

Kim ngạch: **1,5** triệu USD
Giảm **17,5%** so với T5/2026
Giảm **0,6%** so với T6/2025

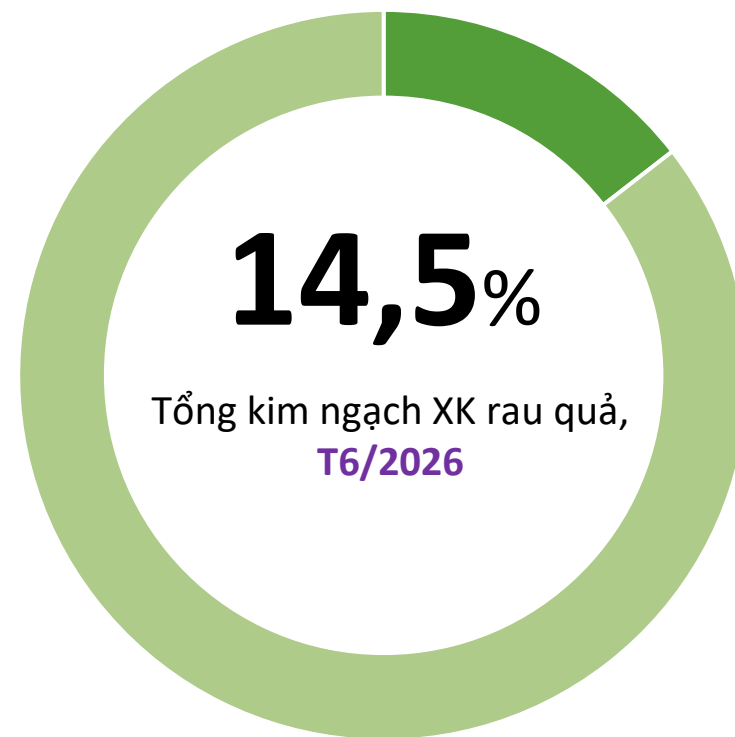


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang
thị trường ASEAN, T6/2026



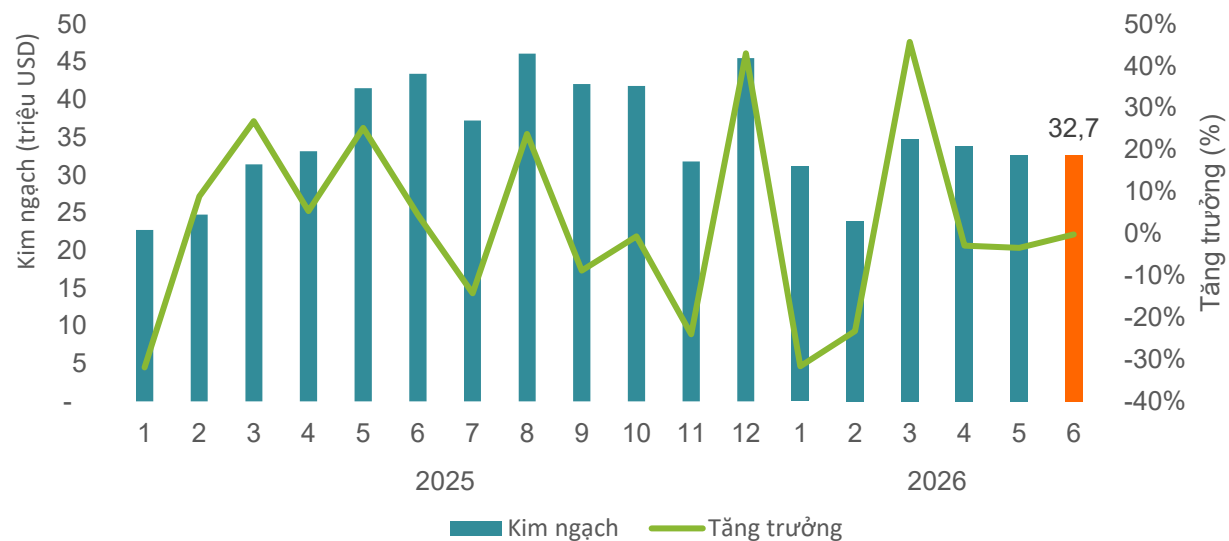
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang
thị trường ASEAN, T6/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả nhập khẩu từ thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH



32,7

triệu USD

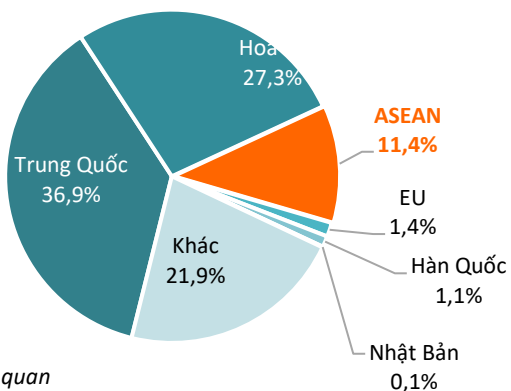
Giảm **0,1%** so với T5/2026

Giảm **24,8%** so với T6/2025

Thấp hơn **4,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 6 tháng năm 2026 đạt **189,1 triệu USD**, đạt **42,8%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam NK từ thị trường ASEAN, T6/2026



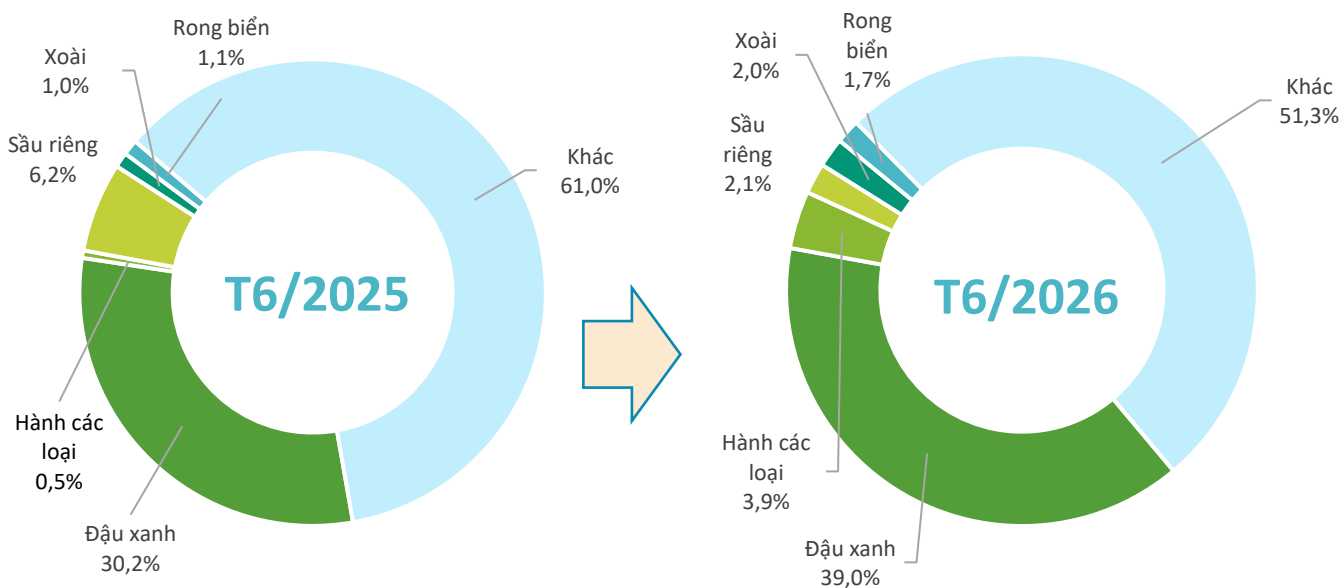
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN NK từ thị trường ASEAN, T6/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ thị trường ASEAN, T6/2026



Sầu riêng

Kim ngạch: **678,8** nghìn USD
Cao gấp **9,5** lần so với T5/2026
Giảm **74,5**% so với T6/2025



Xoài

Kim ngạch: **657,7** nghìn USD
Giảm **90,1**% so với T5/2026
Tăng **45,1**% so với T6/2025

Kết quả nhập khẩu rau quả từ thị trường ASEAN, T6/2026



Đậu xanh

Kim ngạch: **12,7** triệu USD
Tăng **38,3**% so với T5/2026
Giảm **2,8**% so với T6/2025



Hành các loại

Kim ngạch: **1,3** triệu USD
Tăng **57,7**% so với T5/2026
Tăng **466,1**% so với T6/2025



Rong biển

Kim ngạch: **542,1** nghìn USD
Tăng **16,3**% so với T5/2026
Tăng **16,1**% so với T6/2025

Malaysia mở rộng canh tác các giống dưa Đài Loan

Malaysia đang khuyến khích mở rộng trồng giống dưa mới SG-1 (Sarawak Gold 1), với khoảng 500 ha đã được trồng ở Negeri Sembilan, Selangor và Pahang, đồng thời có kế hoạch mở rộng sang Malacca.

Giống dưa này được du nhập từ Đài Loan và bắt đầu trồng tại Sarawak từ năm 2024. SG-1 nổi bật với kích thước quả lớn, thịt vàng cam, giòn, mọng nước, ít xơ và độ ngọt cao hơn giống MD2. Đặc biệt, SG-1 có thời gian sinh trưởng ngắn, chỉ khoảng 9 tháng, so với 14–16 tháng của MD2 và 12 tháng của Moris. Malaysia dự kiến sử dụng khoảng 60% sản lượng SG-1 để chế biến nước ép và đồ hộp, qua đó nâng cao giá trị xuất khẩu dưa.

Nguồn: Guojiguoshu.com



Tin liên quan



Campuchia mở rộng xuất khẩu nhãn tươi sang Trung Quốc

Campuchia đang mở rộng xuất khẩu nhãn sang Trung Quốc sau khi nhãn tươi chính thức được phép vào thị trường này từ tháng 10/2022. Hiện nước này có hơn 13.600 ha nhãn, tập trung chủ yếu tại Pailin, Battambang và Banteay Meanchey. Một số doanh nghiệp xuất khẩu lớn như Jinkwoayuan tại Pailin cho biết nhãn Campuchia được người tiêu dùng Trung Quốc ưa chuộng nhờ vị ngọt, giòn; sản lượng xuất khẩu của công ty dự kiến tăng từ 18.000 tấn năm ngoái lên 30.000 tấn trong năm nay.

Bên cạnh nhãn tươi, Campuchia cũng chuẩn bị đưa nhãn khô vào thị trường Trung Quốc sau khi được cấp phép xuất khẩu từ ngày 16/6/2026. Hiện có 6 nhà máy tại Battambang và Pailin đang hoàn tất thủ tục, trong đó Công ty Pechenda dự kiến xuất khẩu khoảng 30–50 tấn nhãn khô mỗi tháng. Việc được xuất khẩu trực tiếp giúp doanh nghiệp Campuchia giảm chi phí, rút ngắn thời gian và mở rộng kênh tiêu thụ chính ngạch tại Trung Quốc.

Nguồn: Guojiguoshu.com



Tin liên quan



Tin liên quan

Trung Quốc mở cảng thứ 10 cho trái cây Thái Lan, sầu riêng xuất khẩu đạt đỉnh

Xuất khẩu sầu riêng Thái Lan sang Trung Quốc lập kỷ lục trong nửa đầu năm 2026, với kim ngạch đạt 100,08 tỷ baht, tương đương khoảng 3,01 tỷ USD. Khối lượng xuất khẩu vượt 870.000 tấn, tạo nền tảng để ngành sầu riêng tiếp tục tăng trưởng trong nửa cuối năm.

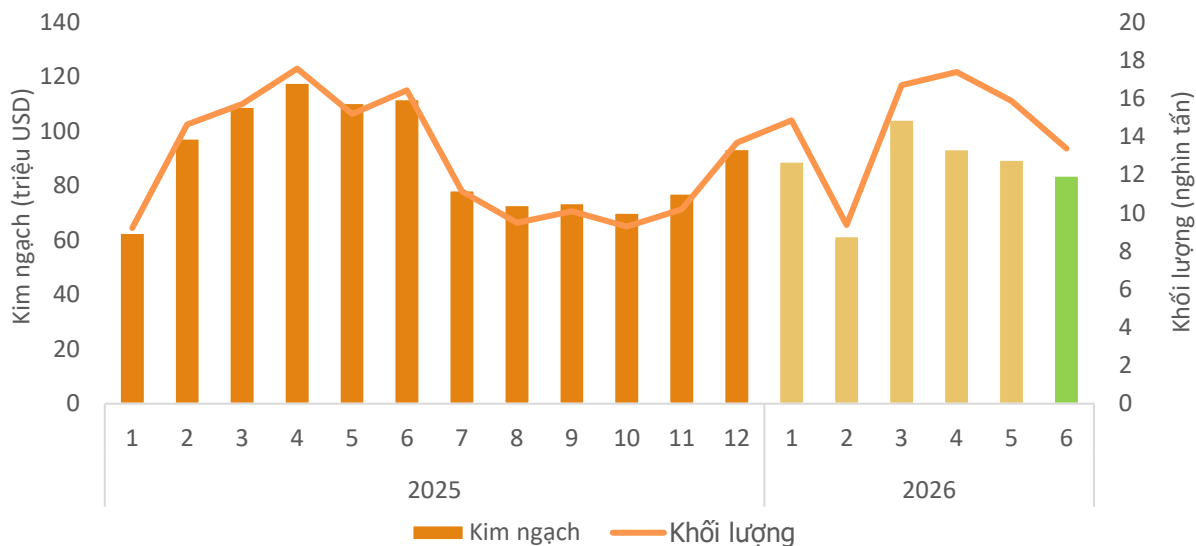
Một động lực quan trọng là việc cửa khẩu Mae Sai tại tỉnh Chiang Rai chính thức được đưa vào hoạt động từ ngày 1/7/2026, trở thành cửa khẩu thứ 10 phục vụ xuất nhập khẩu trái cây tươi giữa Trung Quốc và Thái Lan. Tuyến vận tải R3B mới cho phép sầu riêng Thái Lan đi qua Myanmar và vào Trung Quốc tại cửa khẩu Daluo, tỉnh Vân Nam. Kênh vận chuyển này giúp giảm áp lực cho các tuyến biên giới truyền thống, nâng cao hiệu quả logistics xuyên biên giới và tăng khả năng tiếp cận thị trường Tây Nam Trung Quốc.

Năm 2025, Thái Lan đã xuất khẩu 22 loại trái cây tươi sang Trung Quốc, với tổng kim ngạch hơn 160 tỷ baht (khoảng 4,81 tỷ USD); trong đó, sầu riêng, nhãn và măng cụt là các mặt hàng chủ lực. Với kết quả tích cực trong sáu tháng đầu năm và việc mở thêm cửa khẩu, xuất khẩu sầu riêng Thái Lan sang Trung Quốc trong cả năm 2026 được kỳ vọng đạt mục tiêu 150 tỷ baht (khoảng 4,51 tỷ USD).

Nguồn: Quoinghoshu.com

CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH

83,7 triệu USD

↘ Giảm **6,5%** so với T5/2026

↘ Giảm **25,1%** so với T6/2025

↘ Thấp hơn **5,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 6 tháng năm 2026 đạt **520,9** triệu USD, đạt **48,5%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

13,4 nghìn tấn

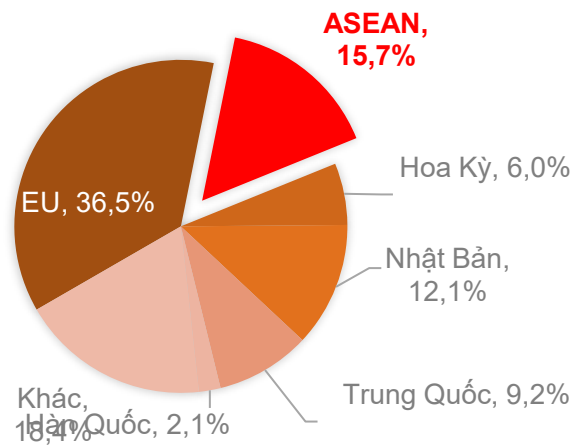
↘ Giảm **15,7%** so với T5/2026

↘ Giảm **18,6%** so với T6/2025

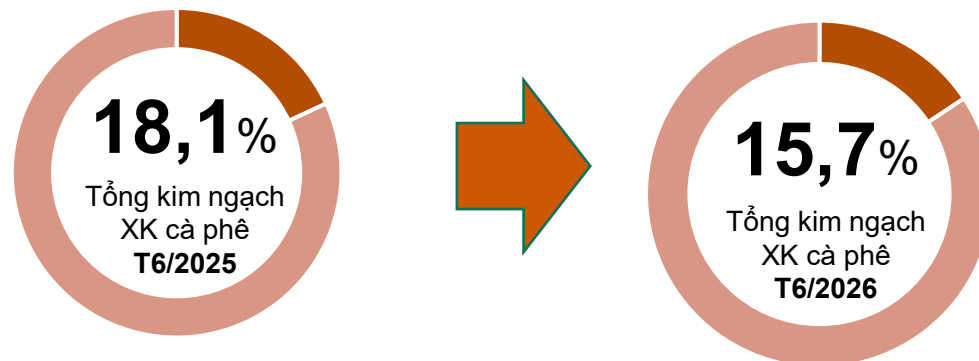
↗ Cao hơn **0,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 6 tháng năm 2026 đạt **87,5** nghìn tấn, đạt **57,4%** lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường ASEAN, T6/2026



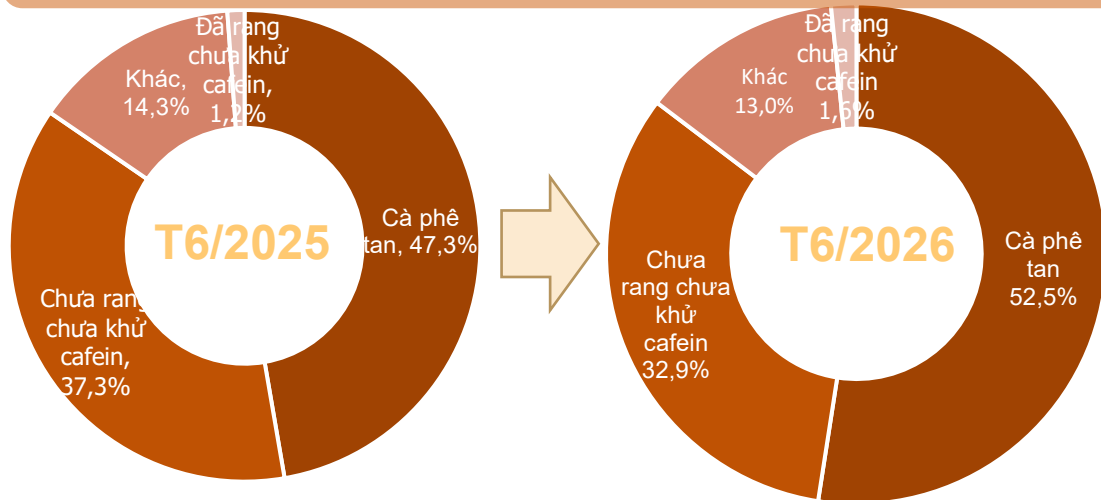
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



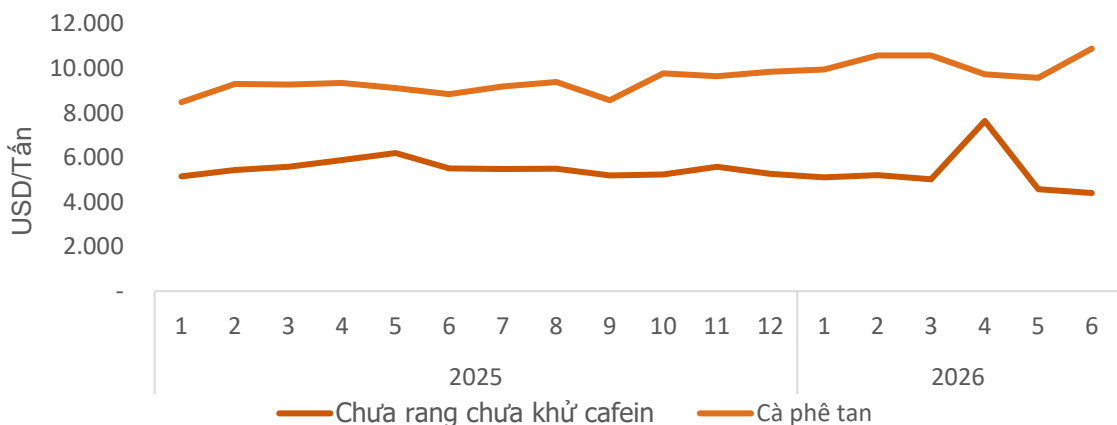


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T6/2026



Nguồn: Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường ASEAN, T6/2026



Chưa rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **27,5** Triệu USD
Giảm **30,1%** so với T5/2026
Giảm **39,4%** so với T6/2025



Cà phê tan

Kim ngạch: **43,8** Triệu USD
Tăng **30,3%** so với T5/2026
Giảm **9,7%** so với T6/2025



Cà phê khác

Kim ngạch: **10,9** Triệu USD
Giảm **7,4%** so với T5/2026
Giảm **35,7%** so với T6/2025

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **10.882** USD/tấn, **tăng 13,8%** so với tháng trước, và **tăng 23,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

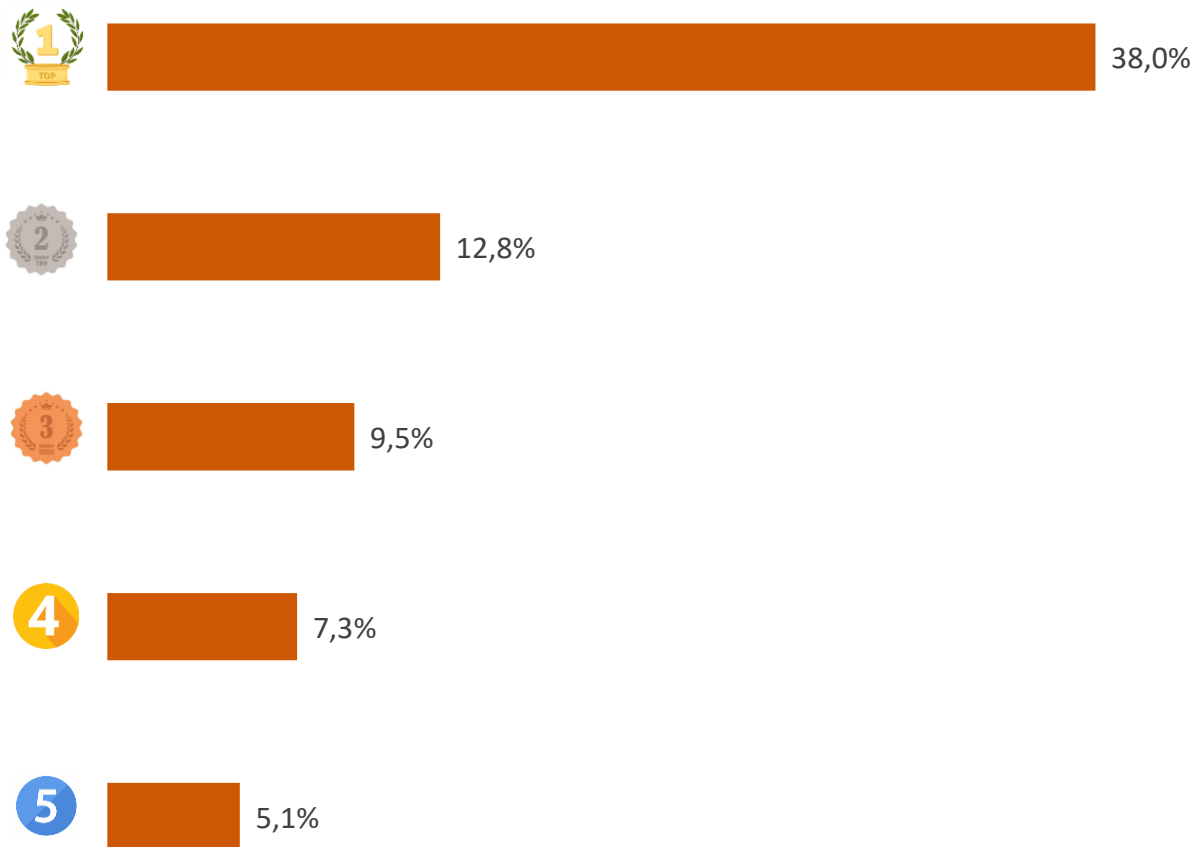
Cà phê chưa rang chưa khử caffein

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **4.405** USD/tấn; **giảm 3,7%** so với tháng trước, và **giảm 20%** so với cùng kỳ năm 2025.

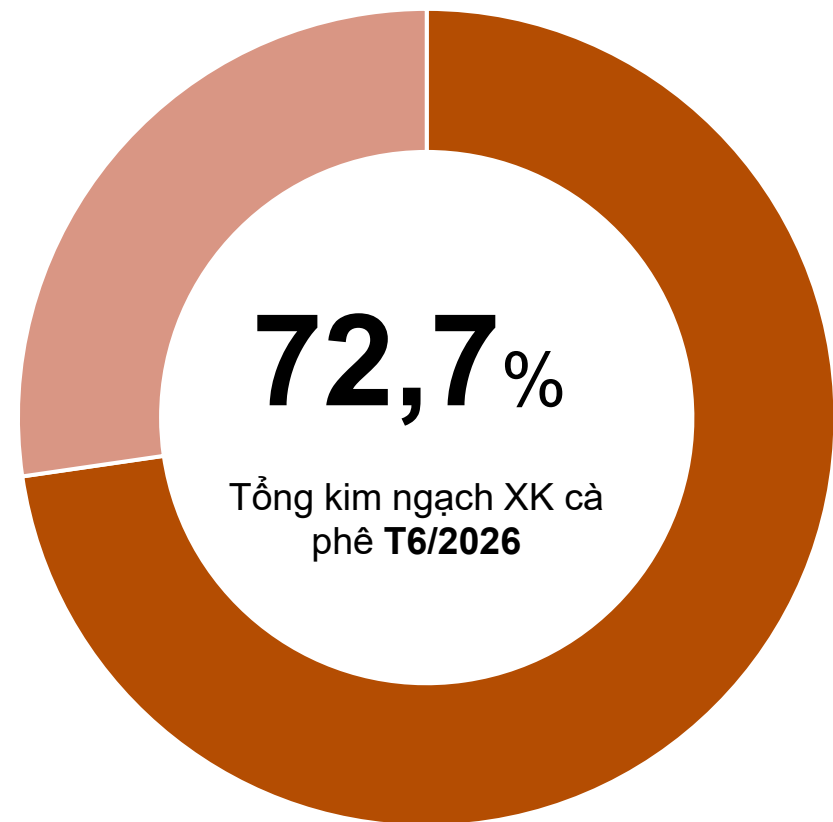


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường ASEAN, T6/2026





Niên vụ cà phê 2026/2027 của Indonesia, kéo dài từ tháng 4/2026 đến tháng 3/2027, đang bước vào giai đoạn thu hoạch, với sản lượng dự báo đạt khoảng 11,4 triệu bao. Trong cơ cấu sản xuất, Robusta chiếm khoảng 85% và Arabica chiếm 15%.

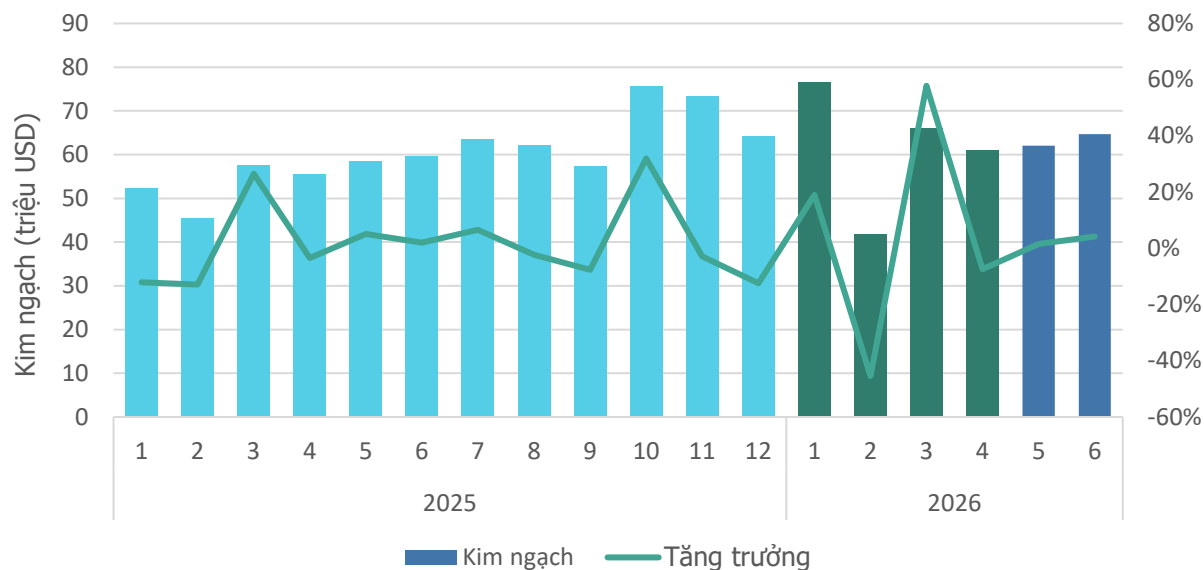
Xuất khẩu cà phê của Indonesia trong niên vụ này có thể đạt khoảng 7 triệu bao. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ Robusta trong nước ngày càng tăng cùng với sự phát triển của ngành chế biến và thị trường nội địa, làm gia tăng cạnh tranh thu mua và thu hẹp lượng cà phê nhân xanh dành cho xuất khẩu. Sản xuất Robusta của Indonesia chủ yếu là các hộ quy mô nhỏ, trong khi năng suất bình quân tại các vùng trồng trọng điểm phía Nam đạt khoảng 830 kg/ha.





THỦY SẢN

Giá trị Thủy sản xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH



↗ Tăng **4,2%** so với T5/2026

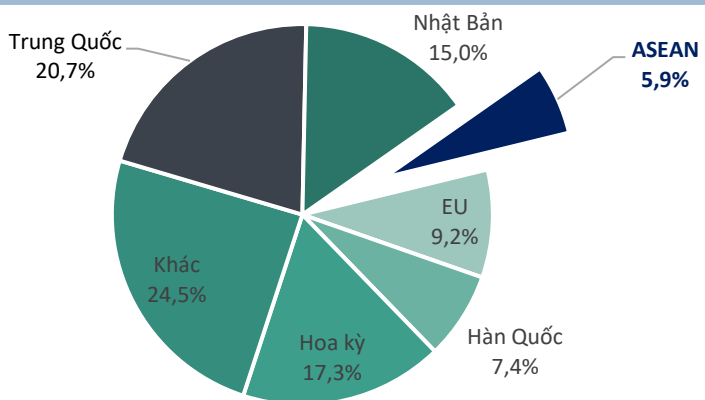
↗ Tăng **8,6%** so với T6/2025

▲ Cao hơn hơn **4,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

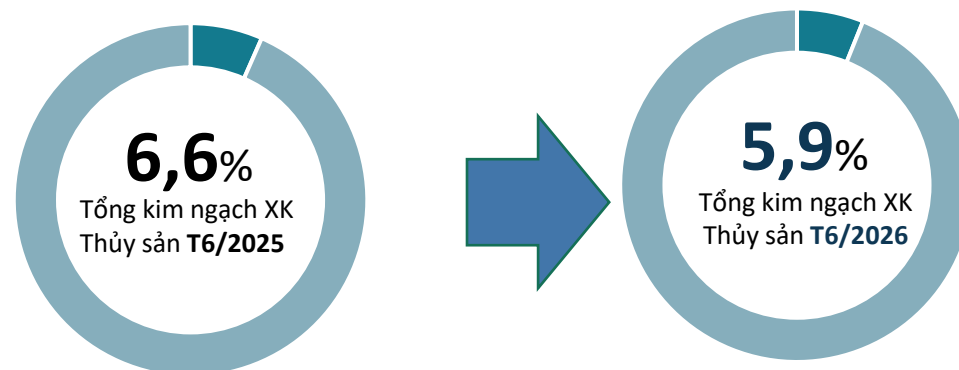
64,7 triệu USD

♦ Lũy kế 6 tháng 2026 đạt 372,0 triệu USD, đạt **51,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường ASEAN, T6/2026



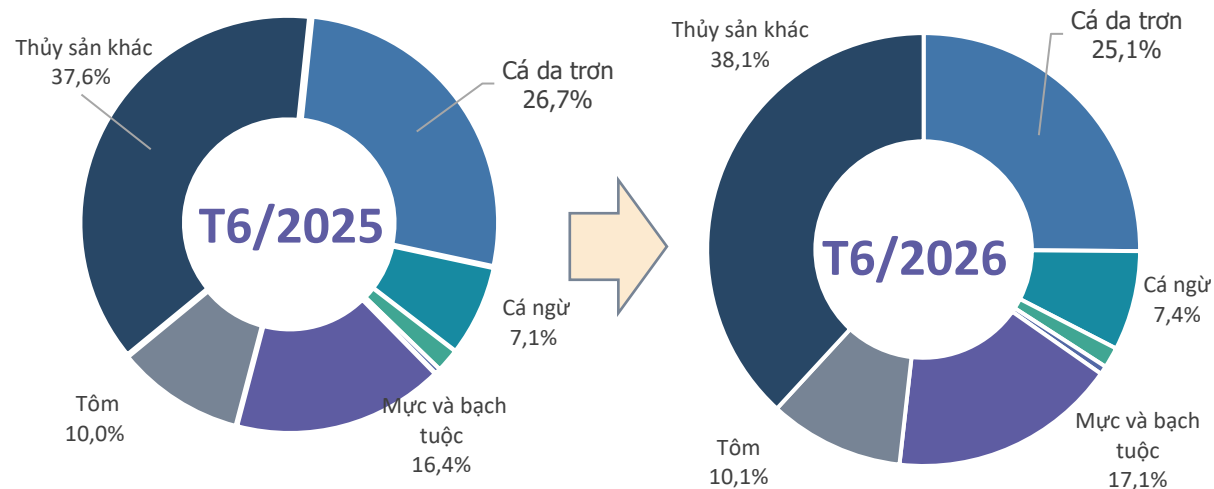
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản VN sang thị trường ASEAN, T6/2026



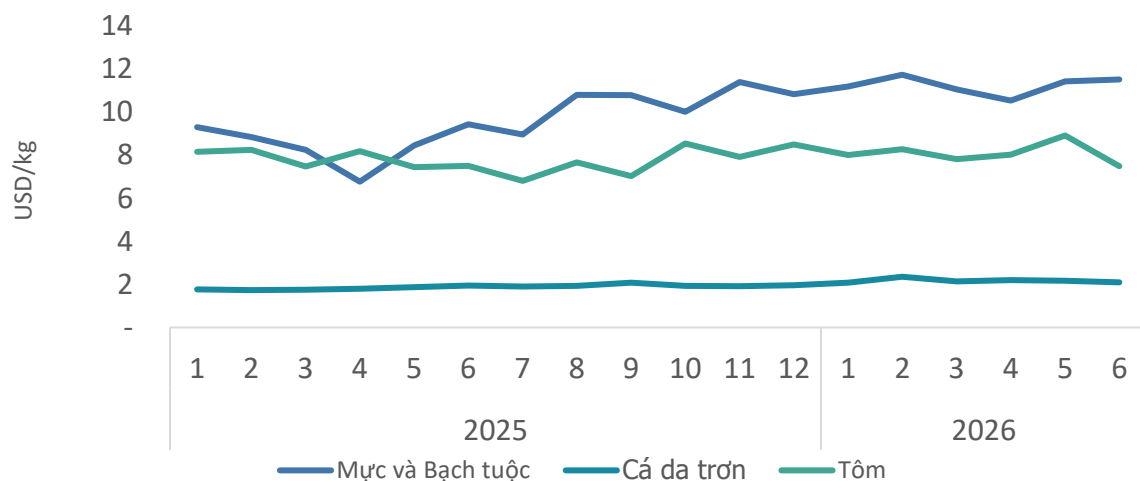


THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN, T6/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN, T6/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **16,2** Triệu USD
Tăng **14,1%** so với T5/2026
Tăng **2,2%** so với T6/2025



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **11,0** Triệu USD
Giảm **5,6%** so với T5/2026
Tăng **12,9%** so với T6/2025



Tôm

Kim ngạch: **6,5** Triệu USD
Tăng **20,6%** so với T5/2026
Tăng **10,1%** so với T6/2025

Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **11,5** USD/kg; tăng **0,8%** so với tháng trước; và tăng **22,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **2,1** USD/kg; giảm **3,4%** so với tháng trước; và tăng **8,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

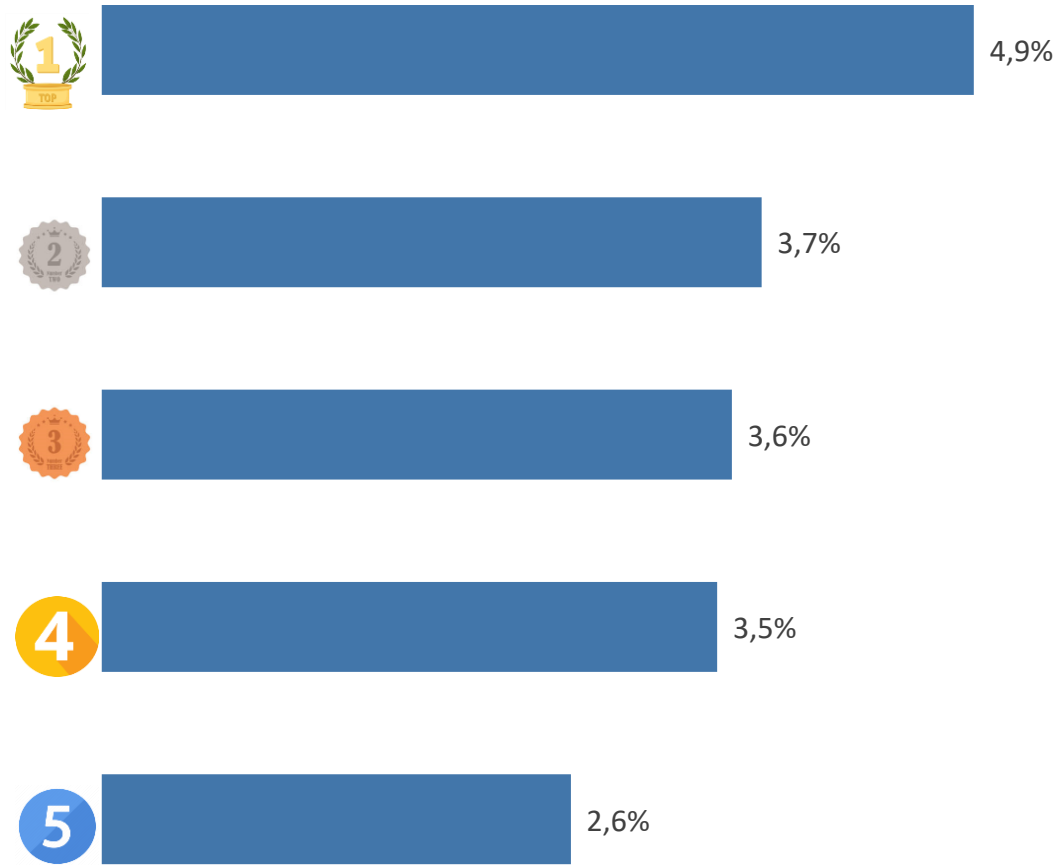
Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **7,5** USD/kg; giảm **16,0%** so với tháng trước; và giảm **0,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

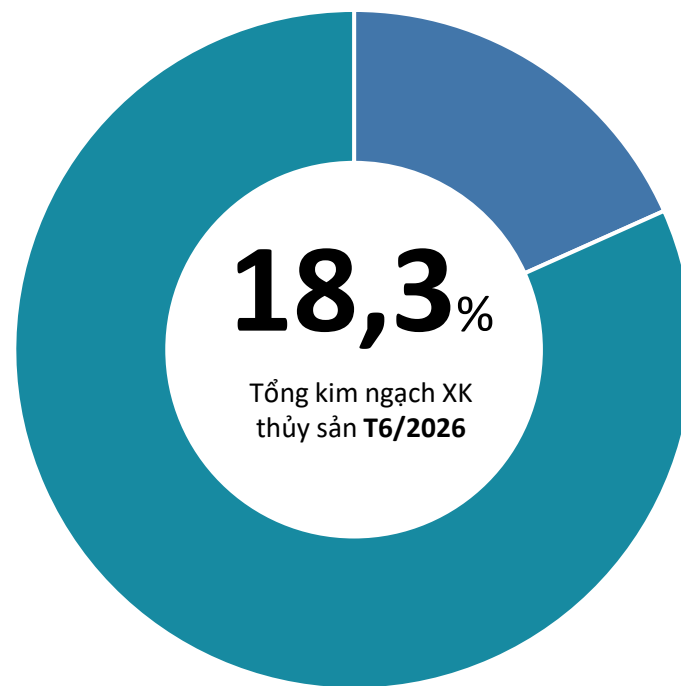


THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu, T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu, T6/2026



01

Tôm Thái Lan được Hoa Kỳ điều chỉnh thuế bán phá giá

Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) vừa điều chỉnh kết quả rà soát thuế chống bán phá giá đối với tôm nhập khẩu từ Thái Lan giai đoạn 2023–2024, sau khi phát hiện một số lỗi kỹ thuật trong xử lý dữ liệu và công thức tính toán.

Theo mức thuế sửa đổi, Thai Union Group chịu thuế 1,24%, trong khi Charoen Pokphand Foods (CPF) bị nâng thuế từ 17,38% lên 26,66% do áp dụng dữ liệu bất lợi sẵn có.

DOC khẳng định đây chỉ là điều chỉnh kỹ thuật, không phải thay đổi chính sách hay mở cuộc điều tra mới. Tuy nhiên, mức thuế mới có thể ảnh hưởng đến chi phí xuất khẩu và sức cạnh tranh của tôm Thái Lan tại thị trường Hoa Kỳ.

Hiệp hội Tôm Thái Lan nhận định tác động trong ngắn hạn sẽ không quá lớn. Năm 2025, xuất khẩu tôm của Thái Lan đạt khoảng 40,9 tỷ baht, tương đương 1,2 tỷ USD. Ngành tôm nước này đặt mục tiêu sản lượng 400.000 tấn trong năm 2026, trong đó xuất khẩu có thể vượt 250.000 tấn.

Bên cạnh thị trường Hoa Kỳ, Thái Lan đang đẩy mạnh đa dạng hóa xuất khẩu sang Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN và thị trường nội địa. Hiệp hội Tôm Thái Lan cũng kiến nghị Chính phủ thúc đẩy đàm phán các FTA, đặc biệt với EU, nhằm mở rộng dư địa tăng trưởng và giảm rủi ro từ biến động chính sách thương mại.



Tin liên quan

Nguồn: Vasep

01

Malaysia và Thái Lan đàm phán tháo gỡ căng thẳng thương mại thủy sản

Malaysia và Thái Lan đang đàm phán nhằm giải quyết căng thẳng thương mại thủy sản phát sinh sau khi Thái Lan tăng cường kiểm tra cá chẻm nhập khẩu từ Malaysia do phát hiện dư lượng hóa chất và kháng sinh. Việc kiểm tra kéo dài khiến nhiều lô cá tươi sống chậm thông quan và bị hư hỏng.

Đáp lại, Malaysia tạm cấm nhập khẩu 5 loại tôm từ Thái Lan từ ngày 1/6, đồng thời yêu cầu cá chẻm Thái Lan phải có Chứng nhận Phân tích khi thông quan. Biện pháp này gây áp lực lên ngành tôm Thái Lan và khiến thị trường Malaysia thiếu nguồn cung tôm giá cạnh tranh.

Thái Lan đề xuất rút ngắn thời gian kiểm dịch cá chẻm Malaysia nhưng vẫn bảo đảm an toàn thực phẩm, đồng thời đề nghị Malaysia sớm dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tôm. Hai bên tiếp tục trao đổi để tìm giải pháp cân bằng lợi ích cho doanh nghiệp, người nuôi và người tiêu dùng..



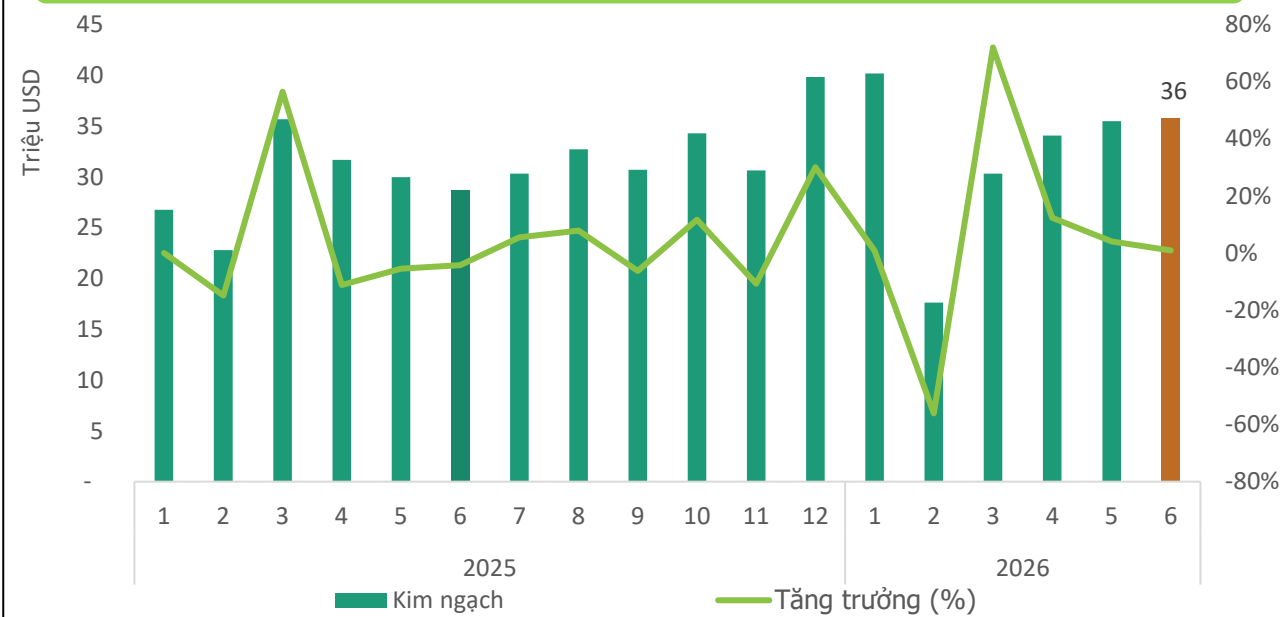
Tin liên quan

Nguồn: Vasep



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH



36

triệu USD

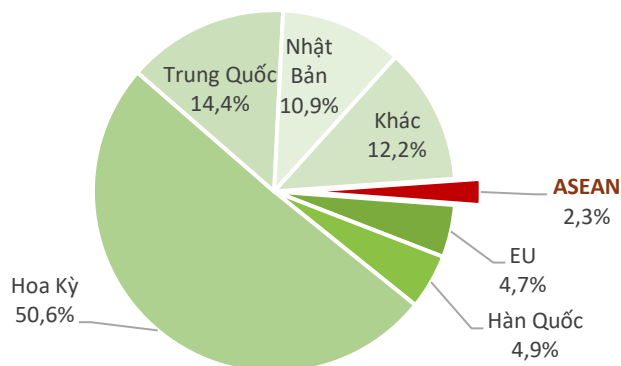
➔ Tăng **0,9%** so với T5/2026

➔ Tăng **24,6%** so với T6/2025

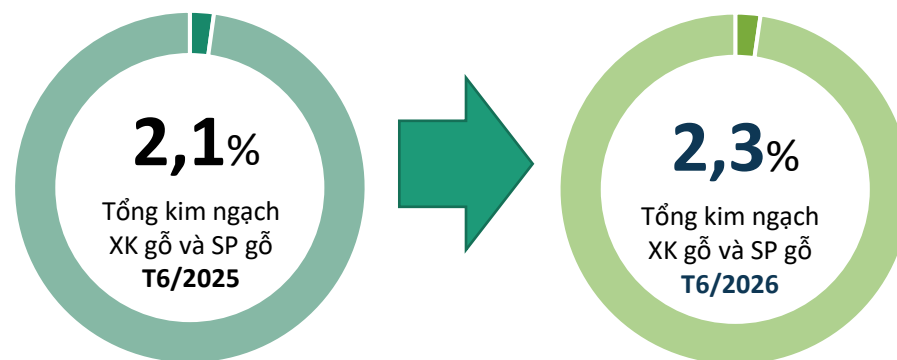
⬆ Cao hơn **4,6 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt **374,1** triệu USD, đạt **51,7%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường ASEAN, T6/2026



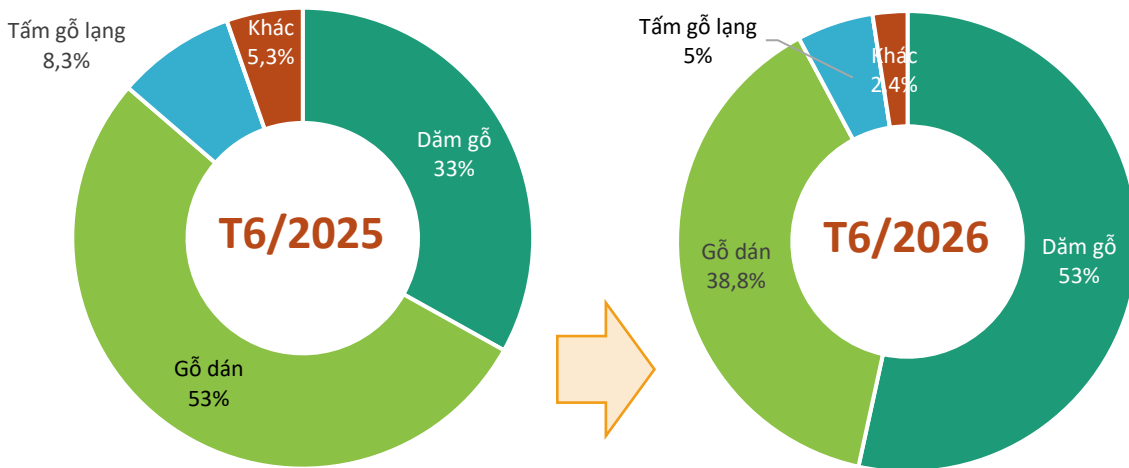
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ VN sang thị trường ASEAN, T6/2026





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường ASEAN, T6/2026



Gỗ dán

Kim ngạch: **28,1** triệu USD

Tăng **3%** so với T5/2026

Tăng **22%** so với T6/2025



Dăm gỗ

Kim ngạch: **38,8** triệu USD

Tăng **49%** so với T5/2026

Tăng **170%** so với T6/2025



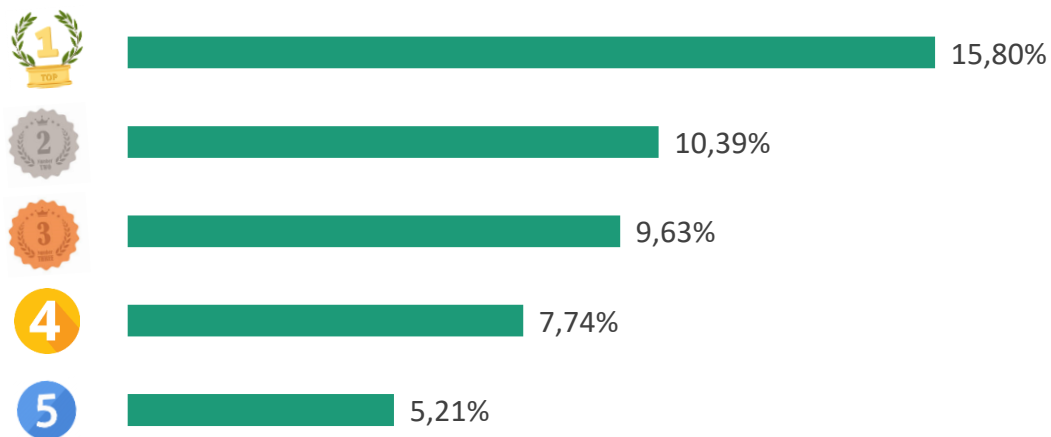
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **3,9** triệu USD

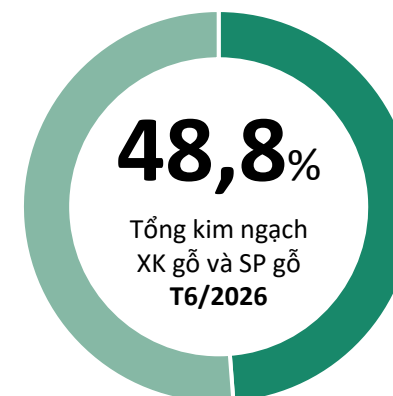
Tăng **9%** so với T5/2026

Tăng **8%** so với T6/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tổng kim ngạch
XK gỗ và SP gỗ
T6/2026



GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ ASEAN



Tại Sabah - Malaysia, chính quyền bang định hướng đa dạng hóa nguồn thu từ rừng, giảm phụ thuộc vào khai thác gỗ truyền thống và phát triển các hoạt động như thương mại carbon, du lịch sinh thái, nông lâm kết hợp và năng lượng tái tạo. Sabah hiện duy trì khoảng 4,6 triệu ha diện tích có rừng và cây che phủ, tương đương 64% diện tích tự nhiên của bang; tuy nhiên, chỉ khoảng 25% được phân loại là rừng sản xuất. Sabah có gần 1,9 triệu ha được xác định là rừng sản xuất, đóng góp khoảng 160 triệu MYR/năm (39,12 triệu USD/năm) cho ngân sách bang. Theo ước tính, rừng sản xuất tạo ra doanh thu khoảng 110 MYR/ha/năm (26,89 USD/ha/năm), thấp hơn nhiều so với mức 7.000–10.000 MYR/ha/năm (1.711–2.445 USD/ha/năm) từ trồng cọ dầu. Chênh lệch về hiệu quả kinh tế giữa hai loại hình sử dụng đất là cơ sở để Sabah phát triển thêm các nguồn thu từ thương mại carbon, du lịch sinh thái, nông lâm kết hợp và các dịch vụ hệ sinh thái khác, đồng thời duy trì diện tích rừng.



TIN LIÊN QUAN



GỖ VÀ SP GỖ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SP GỖ ASEAN



Hiệp hội Đồ nội thất và Thủ công mỹ nghệ Indonesia (HIMKI) đề nghị doanh nghiệp nâng khả năng cạnh tranh trước sự mở rộng sản xuất của Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Mexico và một số nước khác. Năm nội dung được xác định là ưu tiên gồm thiết kế, đổi mới, năng suất, hiệu quả sản xuất và hoàn thiện hệ sinh thái công nghiệp. HIMKI cũng đề nghị Chính phủ cải thiện khả năng tiếp cận vốn và dự kiến thành lập các trung tâm tiếp thị tại những thị trường xuất khẩu trọng điểm để hỗ trợ quảng bá sản phẩm thường xuyên.

Trong lĩnh vực carbon rừng, Sắc lệnh số 110/2025 cho phép dự án đăng ký thông qua hệ thống quốc gia hoặc các tổ chức đăng ký quốc tế. Quy định số 6/2026 tiếp tục thiết lập thủ tục giao dịch carbon trong lĩnh vực lâm nghiệp. Theo The Reform Initiatives, các thay đổi này cùng việc khôi phục một số tín chỉ từng bị đình chỉ đã tăng tính rõ ràng của khung pháp lý và cải thiện khả năng tiếp cận thị trường của các dự án carbon Indonesia.

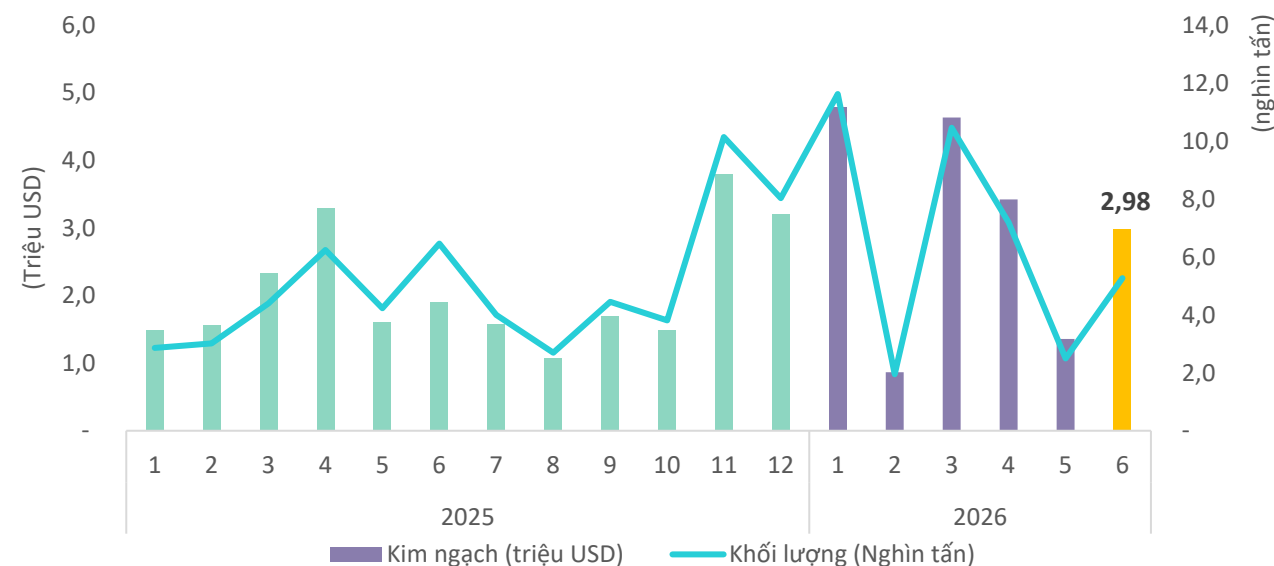


TIN LIÊN QUAN



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH

2,98 triệu USD

↗ Tăng **119%** so với T5/2026

↗ Tăng **57%** so với T6/2025

↑ Cao hơn **0,65** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **18 tr. USD**, đạt **64,6%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

5,3 nghìn tấn

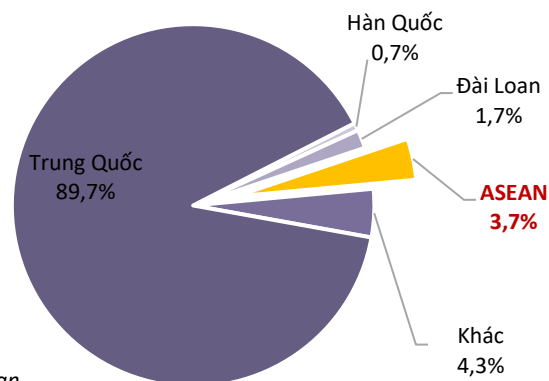
↗ Tăng **110%** so với T5/2026

↘ Giảm **18,6%** so với T6/2025

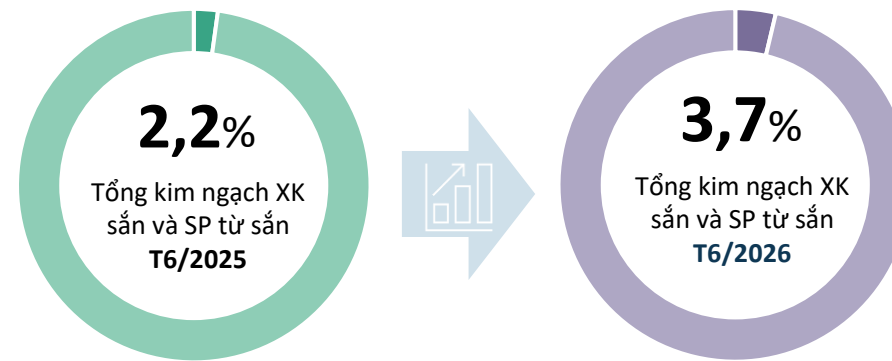
↓ Thấp hơn **0,9** nghìn tấn so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **39,1** nghìn tấn, đạt **53,1%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026



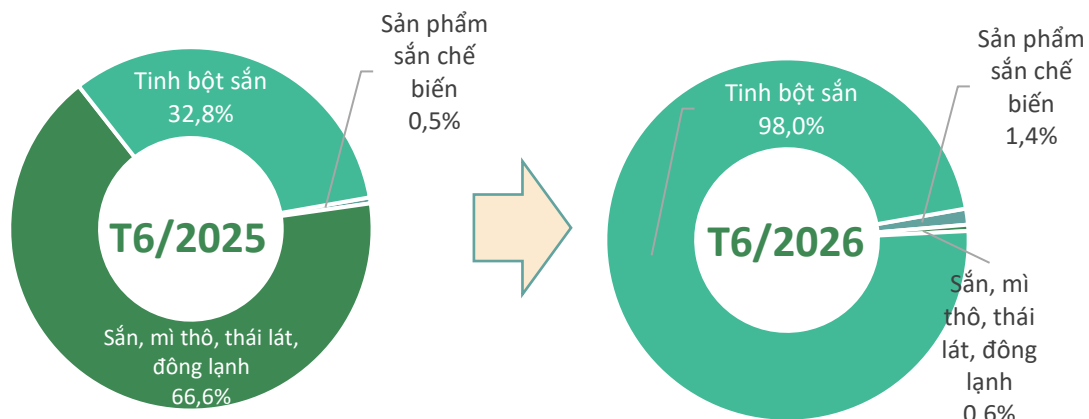
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026



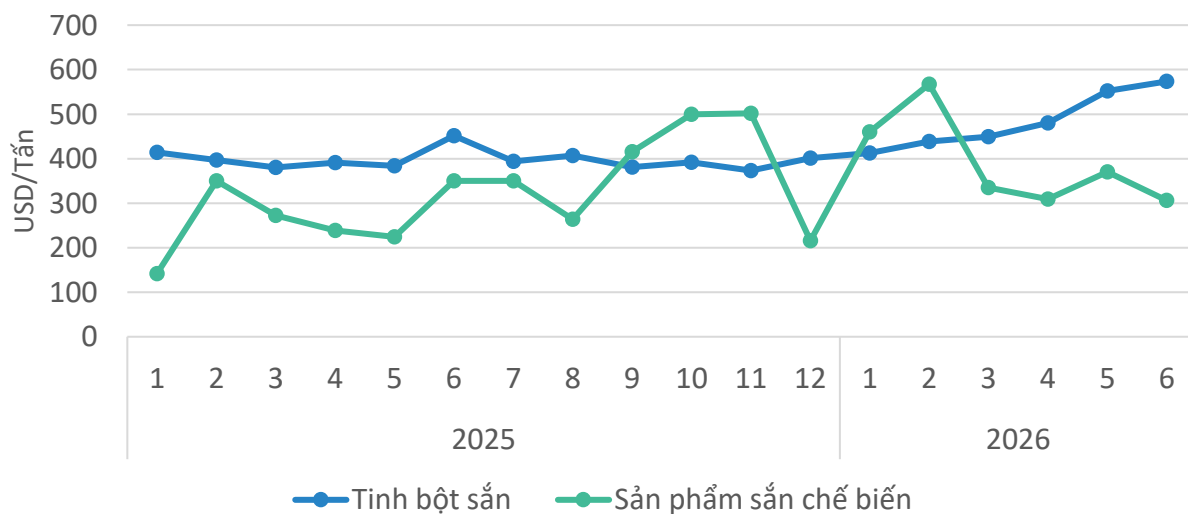


SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026



Sản phẩm sản chế biến

Kim ngạch: **42,4** nghìn USD

Tăng **165%** so với T5/2026

Tăng **120%** so với T6/2025



Tinh bột sản

Kim ngạch: **2,92** triệu USD

Tăng **321%** so với T5/2026

Tăng **369%** so với T6/2025

Tinh bột sản

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **574** USD/tấn; **tăng 3,8%** so với tháng trước; và **tăng 27%** so với cùng kỳ năm 2025.

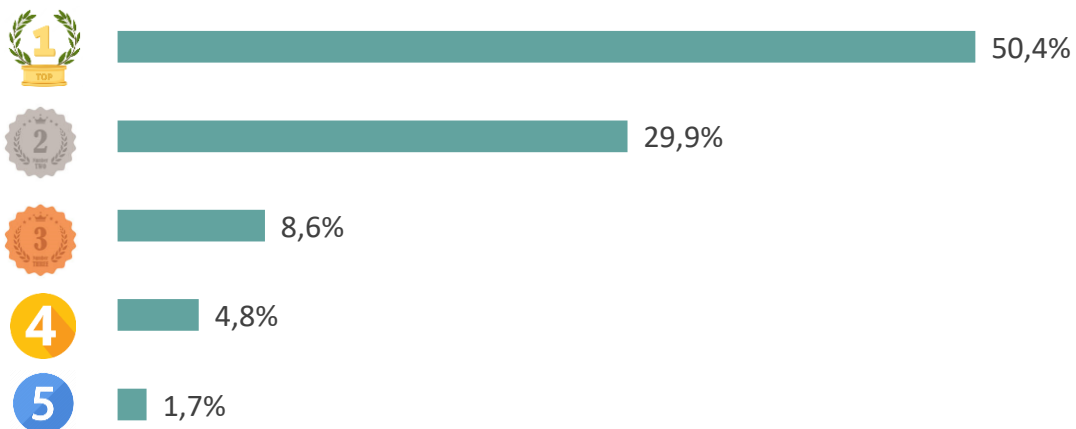
Sản phẩm sản chế biến

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **306** USD/tấn; **giảm 17,3%** so với tháng trước; và **giảm 12,5%** so với cùng kỳ năm 2025.

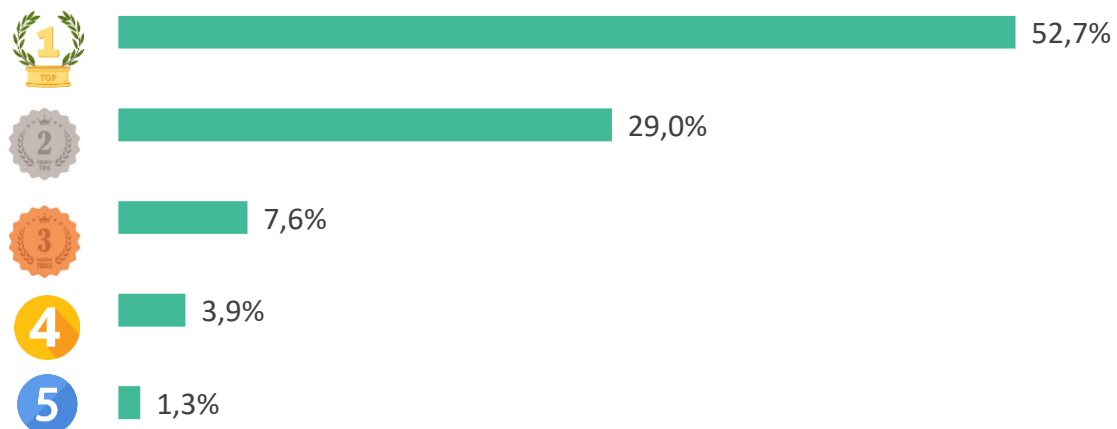


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

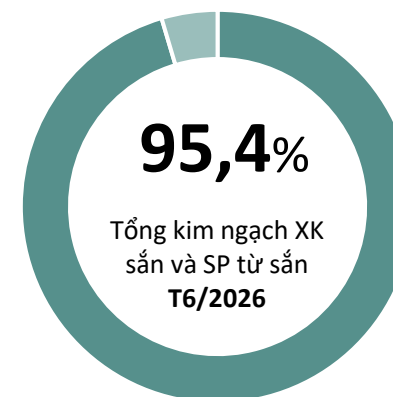
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026



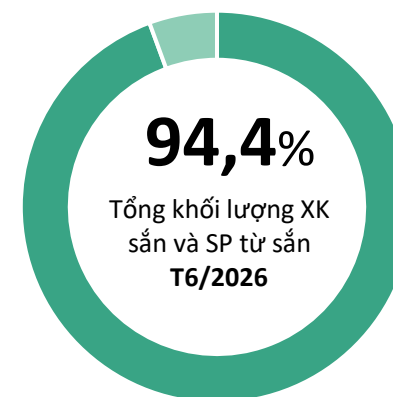
TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường ASEAN, T6/2026





Thái Lan mở rộng xuất khẩu tinh bột sắn sang Hoa Kỳ

Chuyến xúc tiến thương mại của Thái Lan tại bang Illinois từ ngày 15-17/7/2026 đã mở thêm cơ hội đưa tinh bột sắn vào các ngành thực phẩm, đồ uống và chế biến giá trị cao tại Hoa Kỳ. Nhờ nguồn cung ổn định, chất lượng đồng đều và lợi thế thuế quan theo Phụ lục A của biện pháp Section 301, doanh nghiệp Thái Lan đã đạt được thỏa thuận với một nhà nhập khẩu lớn của Hoa Kỳ.

Nguồn: dft.go.th



Indonesia thành lập Trung tâm Sắn Quốc gia

Ngày 25/7/2026, Indonesia khánh thành Trung tâm Sắn Quốc gia tại Đại học Lampung nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, nâng năng suất và phát triển chế biến sâu. Lampung hiện chiếm khoảng 70% sản lượng sắn của Indonesia và tạo sinh kế cho gần 500.000 hộ nông dân. Trung tâm sẽ tập trung chọn tạo giống năng suất cao, cơ giới hóa canh tác, cải tiến kỹ thuật sản xuất và phát triển các sản phẩm sắn có giá trị gia tăng. Indonesia kỳ vọng qua đó nâng sức cạnh tranh, giảm biến động giá, cải thiện thu nhập nông dân và thu hẹp khoảng cách với Thái Lan và Việt Nam trong chuỗi cung ứng sắn toàn cầu.

Nguồn: antaranews.com





Campuchia hỗ trợ phát triển chế biến tinh bột sắn

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Campuchia khẳng định sẽ tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến sắn tại tỉnh Ratanakiri nhằm nâng cao giá trị nông sản và mở rộng xuất khẩu. Nhà máy tinh bột sắn Chea Touch Trading tại huyện O'Yadav hiện thu mua khoảng 100.000-200.000 tấn sắn tươi mỗi năm từ nhiều tỉnh của Campuchia. Với vị trí giáp Việt Nam, Ratanakiri được đánh giá có tiềm năng trở thành trung tâm chế biến và giao thương nông sản quan trọng. Cơ quan chức năng địa phương được yêu cầu phối hợp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thủ tục và bảo đảm hoạt động sản xuất ổn định, bền vững.

Nguồn: khmertimeskh.com



Sắn và tinh bột sắn tiếp tục nằm trong nhóm hàng xuất khẩu quan trọng của Lào

Trong tháng 6/2026, Lào xuất khẩu 805,64 triệu USD hàng hóa; riêng tinh bột sắn chiếm 2,69% và sắn nguyên liệu chiếm 0,63% tổng kim ngạch. Thời gian tới, Chính phủ Lào định hướng mở rộng vùng nguyên liệu, đẩy mạnh chế biến sâu, ứng dụng công nghệ và nâng cấp hệ thống kiểm dịch, logistics dọc tuyến đường sắt Lào - Trung Quốc. Đây là những điều kiện thuận lợi để ngành sắn nâng cao giá trị gia tăng, mở rộng thị trường xuất khẩu và cải thiện năng lực cạnh tranh.

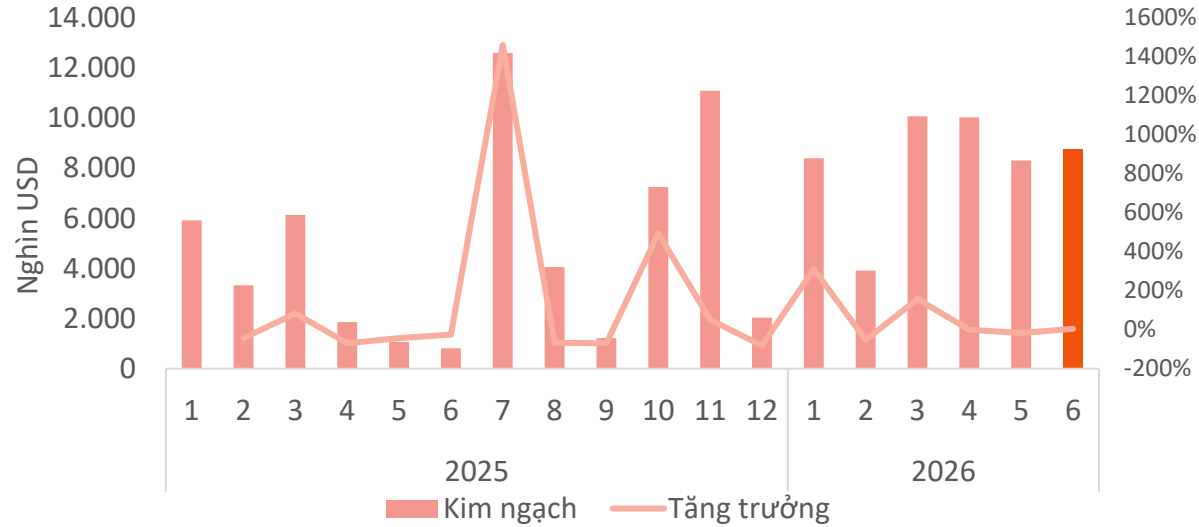
Nguồn: vientianetimes.org.la





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Asean T6/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T6/2026

KIM NGẠCH



8,74
Triệu USD

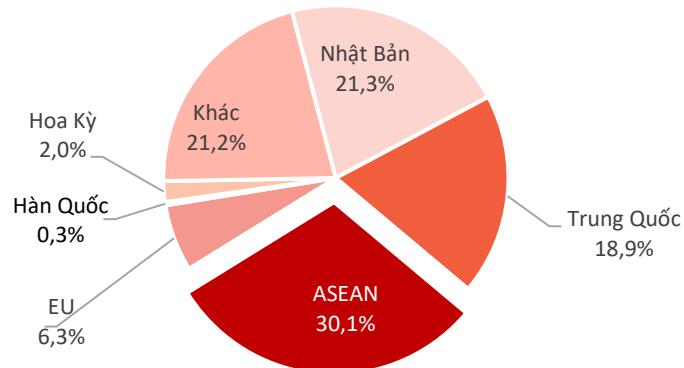
Tăng **5,3%** so với T5/2026

Tăng **982,7%** so với T6/2025

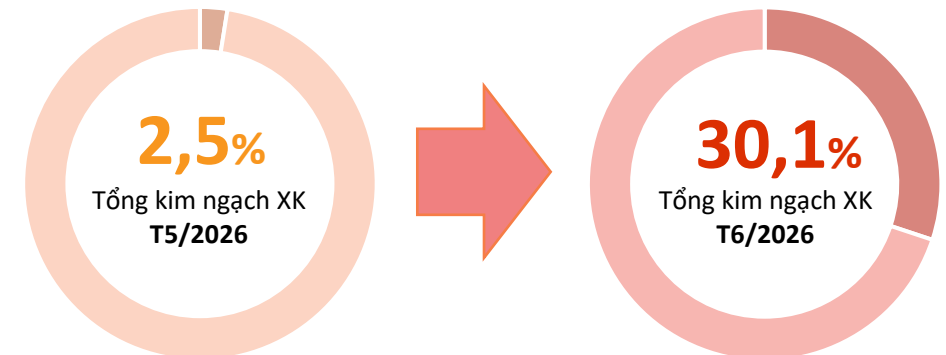
Cao hơn **3,96 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

6 tháng đầu năm 2026 đạt **49,4 triệu USD, đạt 86,2%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T6/2026



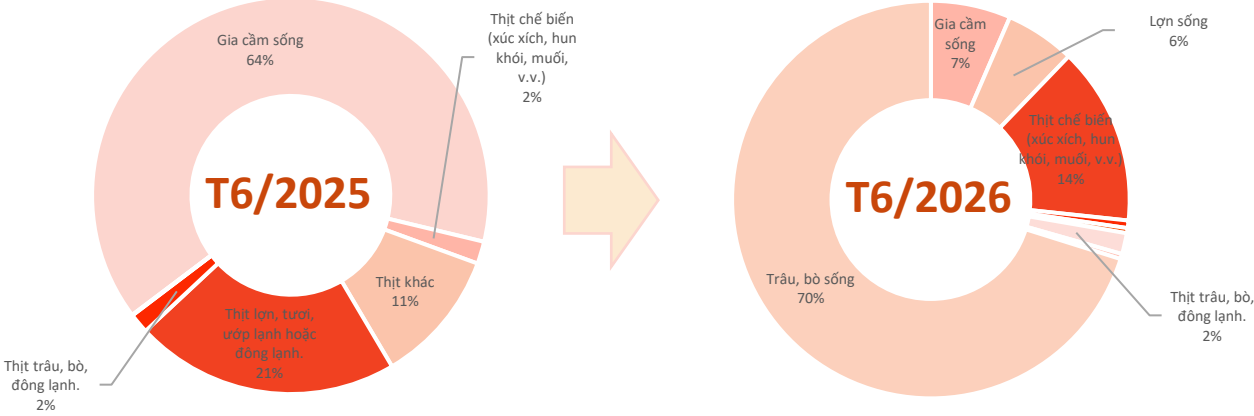
Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T6/2026



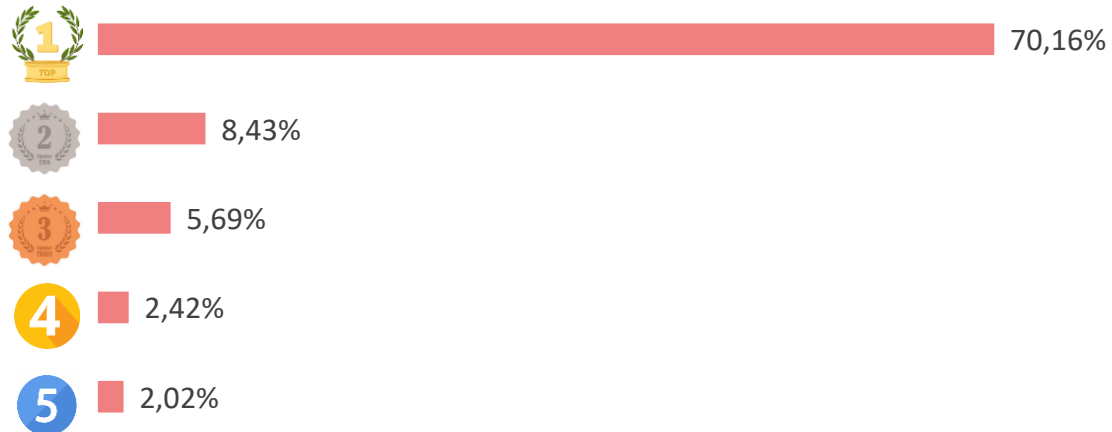


THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt xuất khẩu sang thị trường Asean T6/2026



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Asean T6/2026



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Asean T6/2026



Trâu bò sống

Kim ngạch: **6,13** triệu USD

Tăng **10,5%** so với T5/2026



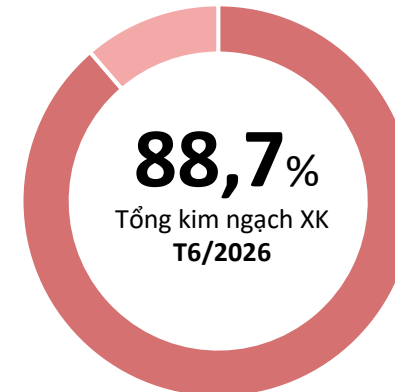
Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối,...)

Kim ngạch: **1,267** triệu USD

Giảm **33,2%** so với T5/2026

Tăng **86 lần** so với T6/2025

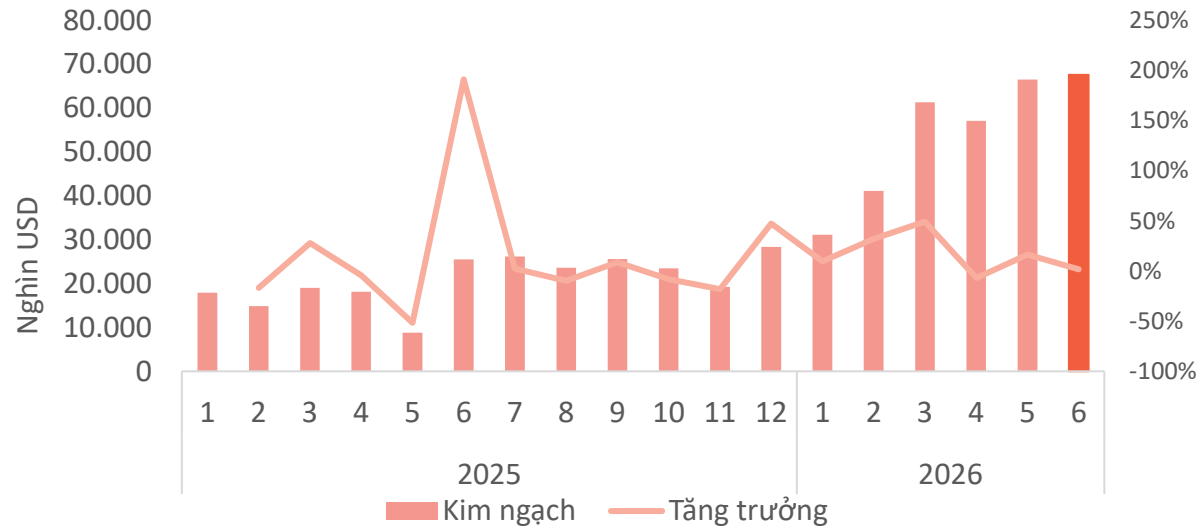
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Asean T6/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T6/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T6/2026

KIM NGẠCH



67,6
Triệu USD

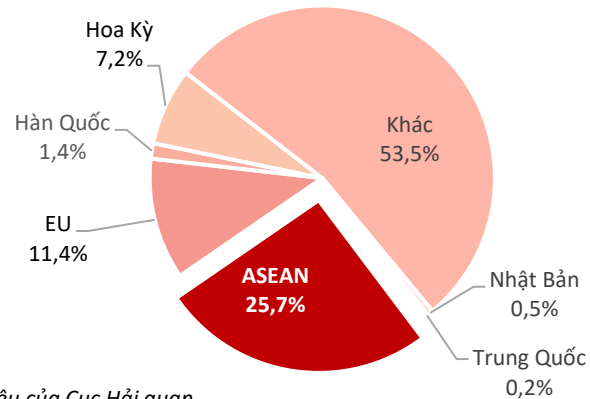
Tăng **1,6%** so với T5/2026

Tăng **164,7%** so với T6/2025

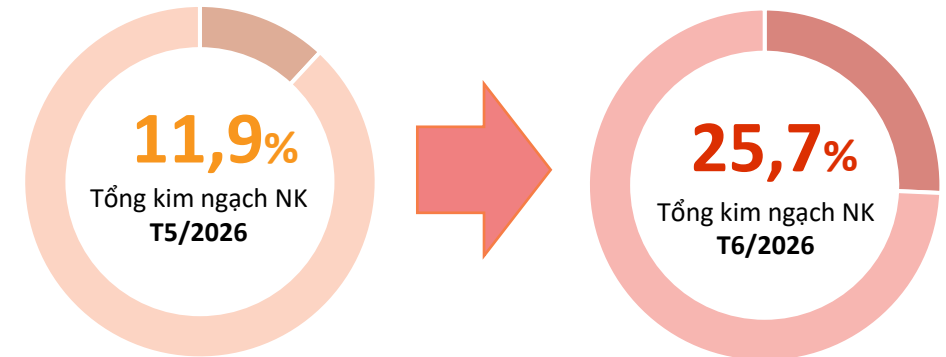
Cao hơn **46,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

6 tháng đầu năm 2026 đạt **324,7 triệu USD**, đạt **129,5%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam từ thị trường Asean T6/2026



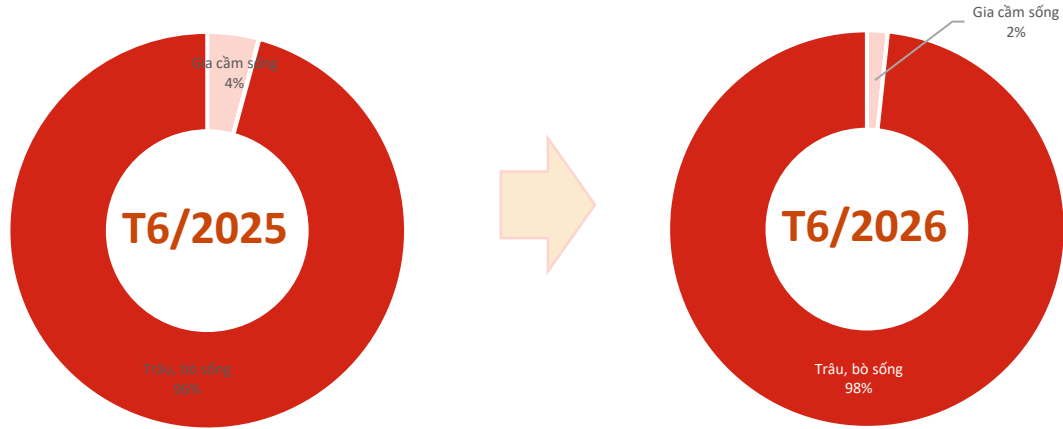
Biến động tỷ trọng giá trị nhập khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam thị trường Asean T6/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (NK)

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt nhập khẩu từ thị trường Asean T6/2026



Kết quả nhập khẩu thịt và SP từ thịt từ thị trường Asean T6/2026



Trâu bò sống

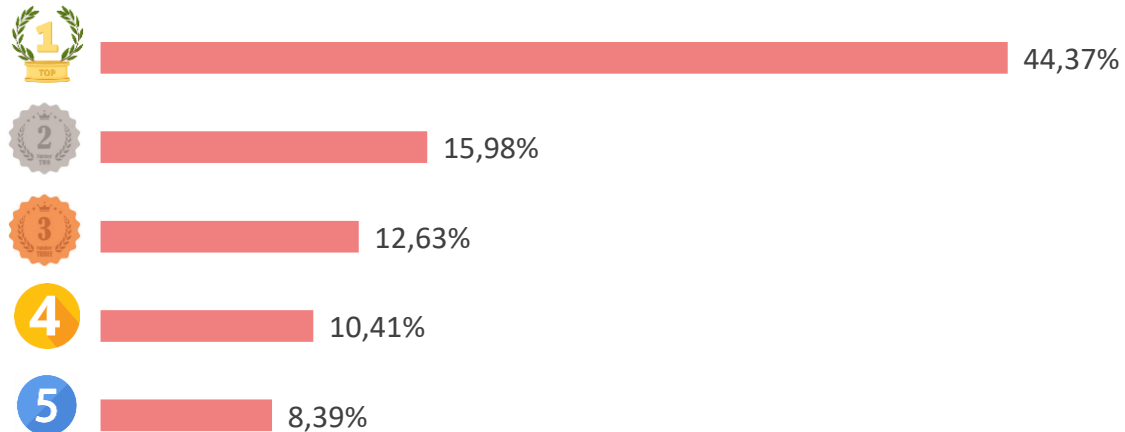
Kim ngạch: **66,4** triệu USD
Tăng **0,8%** so với T5/2026
Tăng **171,7%** so với T6/2025



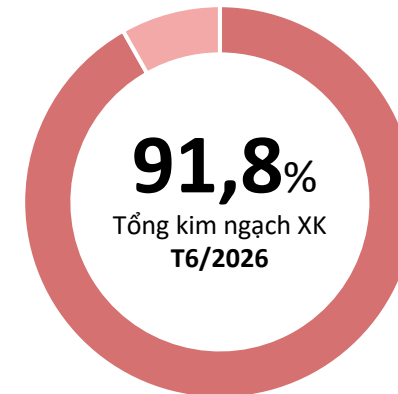
Gia cầm sống

Kim ngạch: **1,14** triệu USD
Tăng **91,6%** so với T5/2026
Tăng **6,4%** so với T6/2025

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch nhập khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất từ thị trường Asean T6/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Asean T6/2026





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT ASEAN



Indonesia tiếp tục đa dạng hóa nguồn cung thịt bò nhập khẩu khi cho phép Argentina xuất khẩu thịt bò, nội tạng và sản phẩm sữa vào thị trường này sau thỏa thuận vệ sinh giữa cơ quan chức năng hai nước. Động thái này diễn ra trong bối cảnh sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ.

Argentina dự kiến tập trung vào thịt bò đông lạnh phục vụ chế biến, nội tạng chọn lọc và một số phần thịt cao cấp cho kênh nhà hàng, khách sạn và bán lẻ hiện đại. Việc Argentina gia nhập thị trường sẽ làm tăng cạnh tranh với các nhà cung cấp hiện có, đặc biệt là Australia, đồng thời cho thấy Indonesia đang chuyển mạnh sang chiến lược đa nguồn cung thịt bò.

Nguồn: pasusart.com

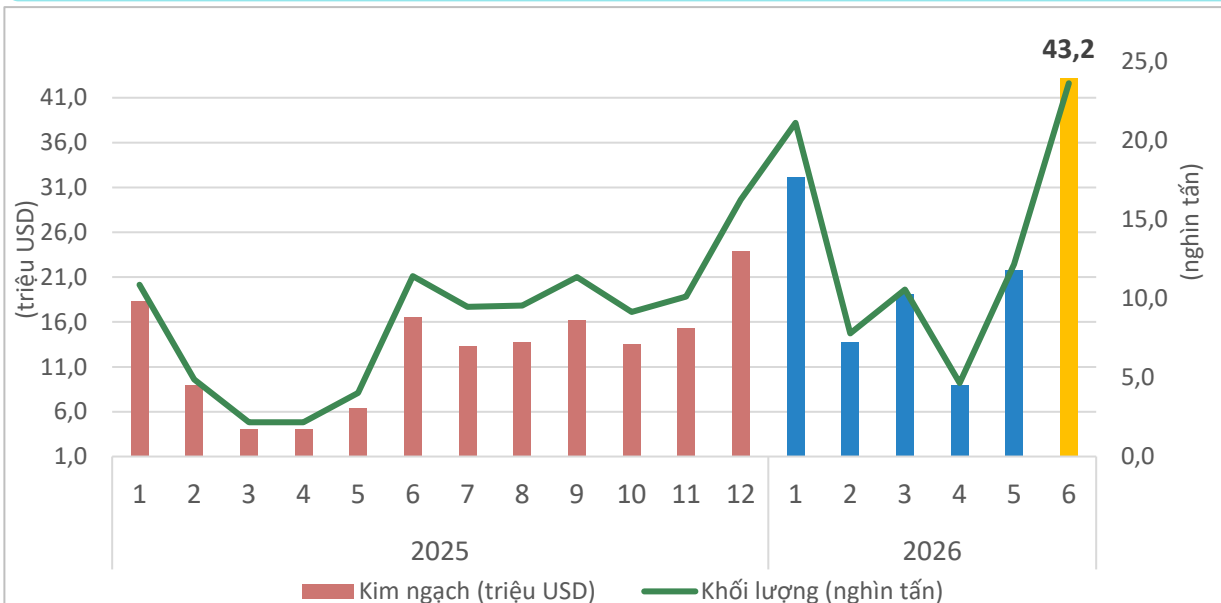


Tin liên quan

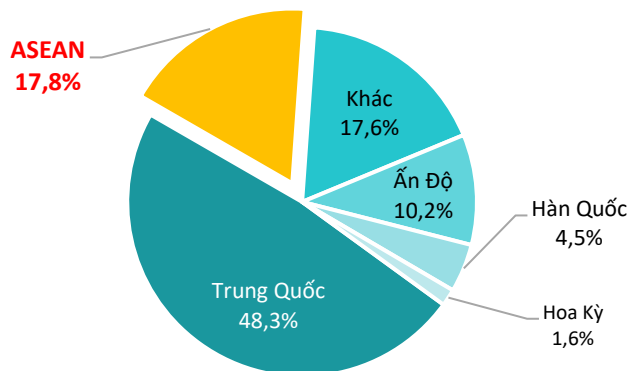


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng giá trị xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN, T6/2026

KIM NGẠCH
43,2 triệu USD

↗ Tăng **98,7%** so với T5/2026

↗ Tăng **162%** so với T6/2025

↑ Cao hơn **29,7** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **139** tr.USD, đạt **85,5%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG
23,6 nghìn tấn

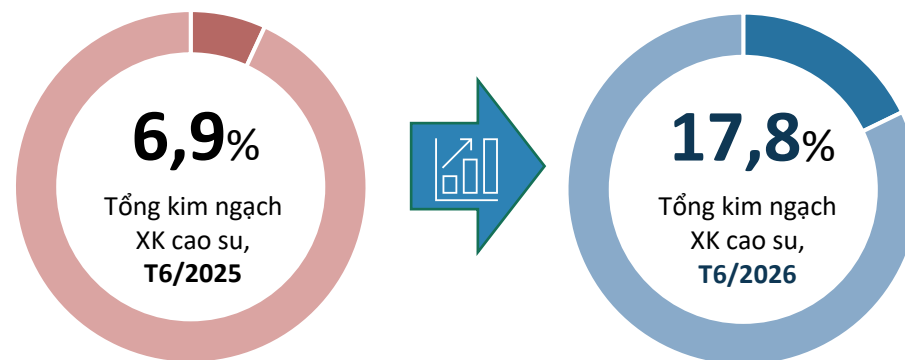
↗ Tăng **94,0%** so với T5/2026

↗ Tăng **107%** so với T6/2025

↑ Cao hơn **14,8** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

♦ Lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 đạt **80** nghìn tấn, đạt **75,7%** khối lượng năm 2025

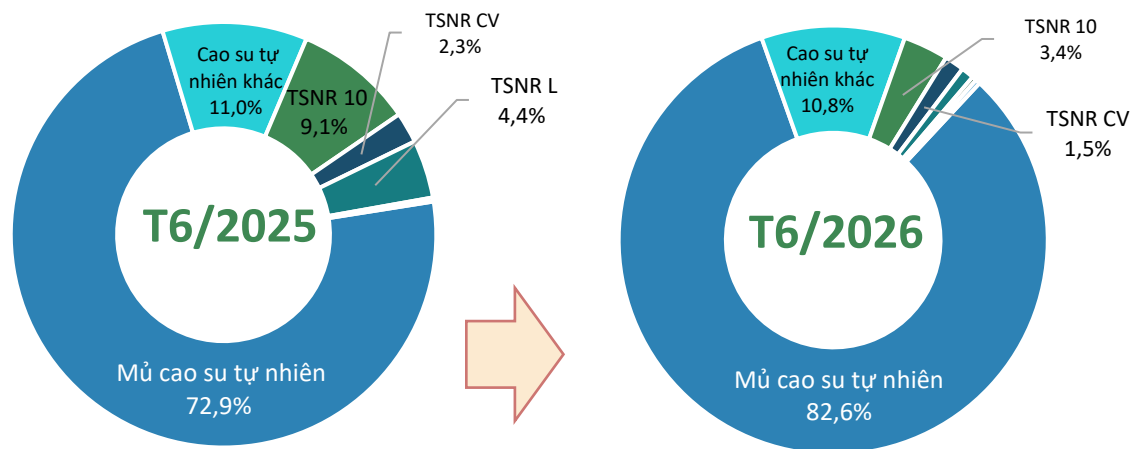
Biến động tỷ trọng giá trị XK cao su của VN sang thị trường ASEAN, T6/2026





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su tự nhiên XK sang thị trường ASEAN, T6/2026



Kết quả xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường ASEAN, T6/2026



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **4,7** triệu USD
Tăng **263%** so với T5/2026
Tăng **158%** so với T6/2025



TSNR 10

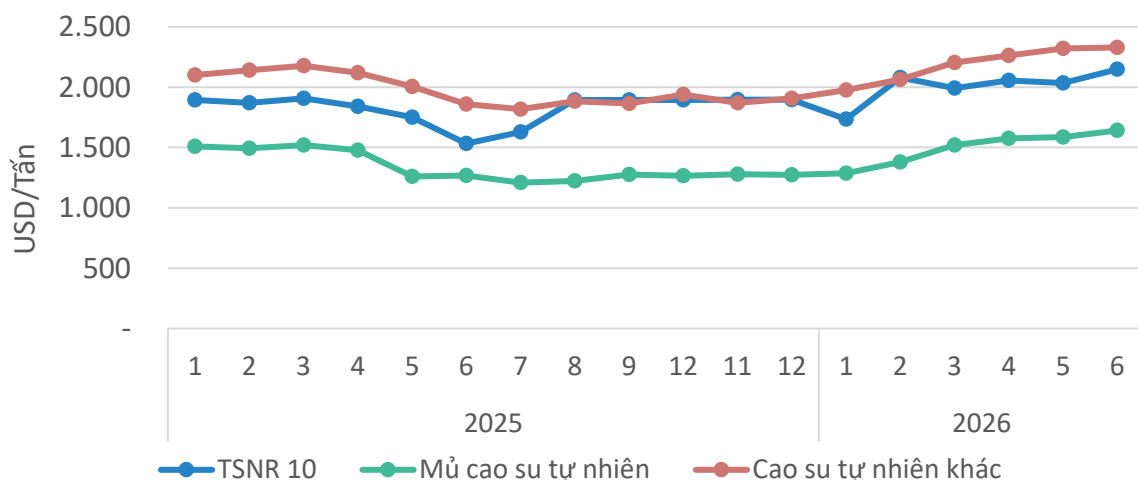
Kim ngạch: **1,5** triệu USD
Giảm **56,3%** so với T5/2026
Giảm **1,7%** so với T6/2025



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **35,7** triệu USD
Tăng **124%** so với T5/2026
Tăng **197%** so với T6/2025

Giá xuất khẩu bình quân cao su tự nhiên sang thị trường ASEAN, T6/2026



Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **2.329** USD/tấn; tăng **0,4%** so với tháng trước; và tăng **25,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

TSNR 10

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **2.035** USD/tấn; tăng **5,6%** so với tháng trước; và tăng **40,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

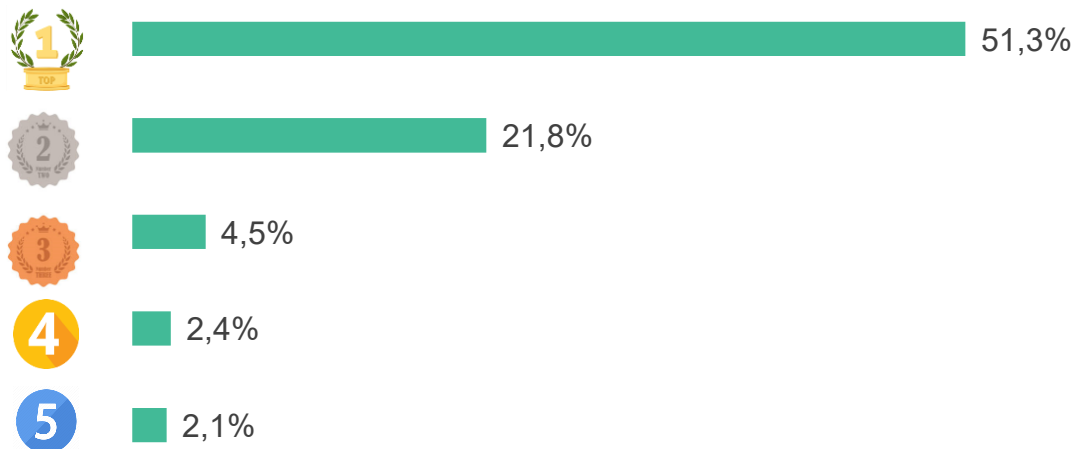
Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T6/2026 ở mức **1.586** USD/tấn; tăng **3,5%** so với tháng trước; và tăng **29,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

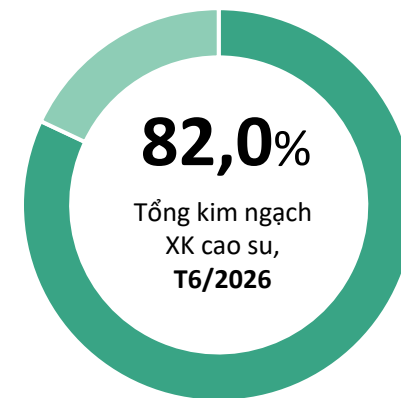


CAO SU

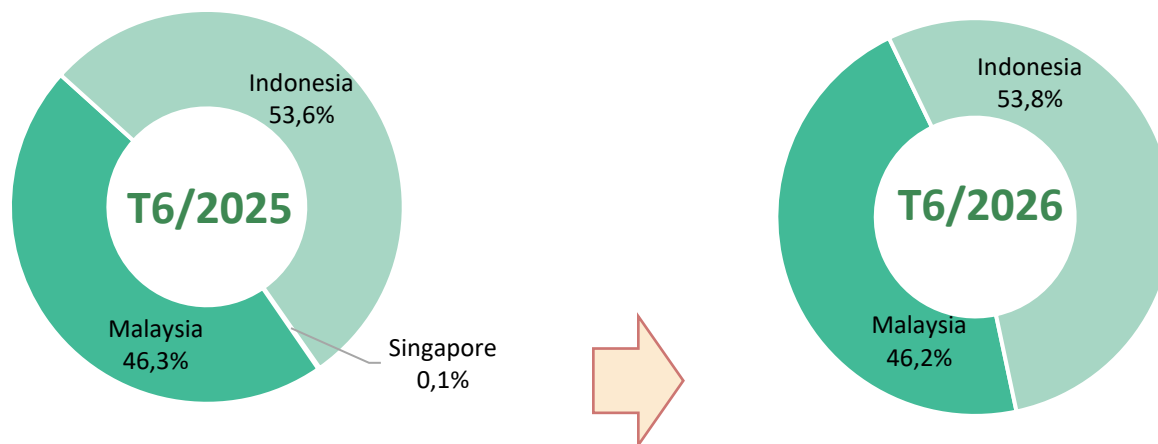
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK cao su sang ASEAN, T6/2026



Tỷ trọng về KN của TOP 5 DN XK cao su sang ASEAN, T6/2026



Biến động tỷ trọng xuất khẩu cao su của Việt Nam sang một số nước trong khối ASEAN, T6/2026



❖ Thái Lan thuộc nhóm quốc gia rủi thấp theo EUDR

Thái Lan đang có lợi thế cạnh tranh đáng kể trên thị trường cao su tự nhiên EU khi được xếp vào nhóm quốc gia rủi ro thấp theo Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR). Nhờ đó, cao su Thái Lan chỉ phải áp dụng cơ chế thẩm định đơn giản và chịu tỷ lệ kiểm tra 1%, thấp hơn mức 3% đối với Indonesia và Malaysia, hai nước thuộc nhóm rủi ro tiêu chuẩn. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cao su và sản phẩm cao su của Thái Lan sang EU đạt 1,881 tỷ USD, trong đó sản phẩm cao su chiếm 69,18% và cao su tự nhiên sơ cấp chiếm 30,82%.

Tuy nhiên, xuất khẩu cao su tự nhiên của Thái Lan trong nửa đầu năm 2026 chỉ đạt 1,203 triệu tấn, giảm 13% so với cùng kỳ; trong đó cao su tiêu chuẩn giảm 16%, latex giảm 13% và cao su tờ hun khói giảm 2%.

Nguồn: nationthailand.com

❖ Indonesia: Kỳ vọng mở rộng xuất khẩu cao su sang khu vực Á-Âu

Ngày 21/7, Bộ Thương mại Indonesia cho biết Hiệp định Thương mại tự do Indonesia - Liên minh Kinh tế Á-Âu sẽ tạo thêm cơ hội xuất khẩu cho các mặt hàng chủ lực, trong đó có cao su tự nhiên. Các nước thành viên Liên minh Kinh tế Á-Âu cam kết xóa bỏ hoặc giảm thuế đối với 11.882 dòng thuế. Hiệp định giúp doanh nghiệp Indonesia tiếp cận thị trường khoảng 183,7 triệu người, với tổng GDP hơn 3.000 tỷ USD, bao gồm Nga, Belarus, Kazakhstan, Armenia và Kyrgyzstan.

Nguồn: antaranews.com



❖ **Campuchia: Xem xét dự án nhà máy chế biến cao su mới**

Ngày 23/7, Hội đồng Phát triển Campuchia cho biết đang xem xét chín dự án đầu tư trị giá gần 95 triệu USD. Trong số hai dự án nông-công nghiệp có một nhà máy chế biến cao su và một nhà máy chế biến sắn. Nếu được phê duyệt, các dự án sẽ được triển khai tại Phnom Penh và các tỉnh Takeo, Kampong Speu, Thbong Khmum và Kratie, tạo khoảng 3.500 việc làm và nâng cao năng lực chế biến nông sản.

Nguồn: akp.gov.kh

❖ **Malaysia: Sản lượng cao su phục hồi nhưng xuất khẩu giảm**

Theo Cục Thống kê Malaysia (DOSM), Malaysia sản xuất 20.198 tấn cao su tự nhiên trong tháng 5/2026, tăng 9,1% so với tháng 4 nhưng vẫn giảm 16,7% so với cùng kỳ năm 2025. Xuất khẩu cao su tự nhiên chỉ đạt 28.741 tấn, giảm 23,1% so với tháng trước. Tồn kho cuối tháng cũng giảm 6,2%, xuống còn 122.658 tấn. Khu vực cao su tiểu điền tiếp tục chiếm gần 90% tổng sản lượng của Malaysia.

Nguồn: themalaysianreserve.com





Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo